



HỘI THẢO QUỐC TẾ VIỆT NAM HỌC LẦN THỨ 5
THE 5TH INTERNATIONAL CONFERENCE OF VIETNAMESE STUDIES

KỶ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC
CONFERENCE PROCEEDINGS

NGHIÊN CỨU
GIẢNG DẠY
VIỆT NAM HỌC
VÀ TIẾNG VIỆT
2021

*RESEARCHING, TEACHING VIETNAMESE STUDIES
AND VIETNAMESE LANGUAGE*

TP. HỒ CHÍ MINH - 2021

MỤC LỤC

		Trang
Tiểu ban 1: Việt ngữ học và Phương pháp giảng dạy tiếng Việt		
1	Tiếng 'nhà đạo' dùng trong Giáo hội Công giáo Việt Nam từ thời 'Phép giảng tám ngày' (Alexandre de Rhodes, 1651) đến ngày nay GS. TS. Bùi Chúc Quyên Di <i>Asian Languages and Cultures, UCLA Centre for Southeast Asian Studies, USA</i>	3
2	Về một vài chỉ tố diễn ngôn có nguồn gốc từ câu tồn tại trong tiếng Việt hiện đại từ cách tiếp cận của Ngữ Pháp Diễn Ngôn PGS.TS. Đào Huy Linh NCS. Đỗ Nguyệt Tú	5
3	Phát âm và nhận biết nguyên âm đơn tiếng Việt của học viên người Lào TS. Đào Mục Đích TS. Nguyễn Thị Anh Thư <i>Khoa Việt Nam học, ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM</i>	7
4	Giới thiệu tình hình giảng dạy Việt Nam học và tiếng Việt tại trường Đại học Sophia “St. Kliment Ohridski”, Bungari ThS. Dayana Ivanova <i>Đại Học Sophia “St. Kliment Ohridski”, Bungari</i>	9
5	Vấn đề tiếng mẹ đẻ của người Hoa ở Nam Bộ PGS. TS. Hoàng Quốc <i>Đại học Sài Gòn</i>	11
6	Quan hệ giữa “điểm đầu” và “điểm đích” của các động từ chuyển động trong tiếng Việt TS. Huỳnh Công Hiền <i>Khoa Việt Nam học, ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM</i>	12
7	Conceptual domain of "UTENSILS" in the perception of Vietnamese people (survey on idiom corpus) NCS. Nguyễn Đình Việt, TS. Huỳnh Thị Hồng Hạnh <i>Khoa Ngôn ngữ học, ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM</i>	13

8	Giảng dạy thuyết trình cho sinh viên nước ngoài ở các lớp học tiếng Việt ngắn hạn	15
	ThS. Lại Thị Minh Đức <i>Khoa Việt Nam học, ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM</i>	
9	Ngữ dụng của "THÌ"	16
	TS. Lê Thị Minh Hằng <i>Khoa Việt Nam học, ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM</i>	
10	Giới thiệu về những hình thức tổ chức thi năng lực tiếng Việt ở Đài Loan	17
	HVCH. Lù Việt Hùng <i>Department of Taiwanese Literature, National Cheng Kung University</i>	
11	Rèn luyện kỹ năng đọc hiểu tiếng Việt cho người nước ngoài – Trình độ cao cấp qua các văn bản chủ đề văn hóa -nghệ thuật	19
	ThS. Lương Ngọc Khánh Phương <i>Khoa Ngữ Văn, ĐH Sư phạm TP.HCM</i>	
12	Đánh giá năng lực tiếng Việt của học viên quốc tế: Từ lý luận đến thực tế	20
	PGS. TS. Nguyễn Chí Hòa <i>Khoa Việt Nam học và tiếng Việt, ĐHKHXHNV, ĐHQG-HÀ NỘI</i>	
13	Tiếng Việt từ TK 17: nên mười tuổi và nên hoa (về khuynh hướng lẫn lộn n và l từ các tài liệu chữ quốc ngữ của LM de Rhodes)	22
	NNC. Nguyễn Cung Thông <i>Nhà nghiên cứu ngôn ngữ học tự do</i>	
14	Dạy kỹ năng viết tiếng Việt theo quan điểm tương tác	24
	TS. Nguyễn Hoàng Phương <i>Khoa Việt Nam học, ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM</i>	
15	Ngôn ngữ ngữ học và dạy ngôn ngữ	26
	TS. Nguyễn Hoàng Trung <i>Khoa Ngôn ngữ học, ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM</i>	

16	<p>Ngữ pháp và ngữ nghĩa của từ "CHO"</p> <p style="text-align: right;">TS. Nguyễn Huỳnh Lâm</p> <p style="text-align: center;"><i>Khoa Việt Nam học, ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM</i></p>	27
17	<p>Phương pháp giảng dạy theo nội dung (CBI) – cách tiếp cận giảng dạy tiếng Việt cho sinh viên người Mỹ gốc Việt trình độ cao cấp (trường hợp Đại học Washington – Seattle – Hoa Kỳ)</p> <p style="text-align: right;">TS. Nguyễn Kim Yên</p> <p style="text-align: center;"><i>Department of Asian Languages and Literature - University of Washington</i></p>	28
18	<p>Tìm hiểu ngữ nghĩa của các từ láy đôi trong tiếng Việt có cặp vần “-on” – “-en”</p> <p style="text-align: right;">GS. TS. Nguyễn Thị Hai</p> <p style="text-align: center;"><i>Đại học Công nghệ Đồng Nai</i></p>	30
19	<p>Phương pháp giảng dạy tiếng Việt cho trẻ em nước ngoài (Khảo sát trẻ em Hàn Quốc tại Thành phố Hồ Chí Minh)</p> <p style="text-align: right;">HVCH. Nguyễn Thị Kim Bích</p> <p style="text-align: center;"><i>Trung tâm ngoại ngữ Gotoviki</i></p>	31
20	<p>Nguyên âm "A" trong thổ ngữ Sơn Tịnh, Quảng Ngãi</p> <p style="text-align: right;">ThS. Nguyễn Thị Thanh Truyền</p> <p style="text-align: center;"><i>Khoa Việt Nam học, ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM</i></p>	32
21	<p>Bàn về việc xác định trọng âm từ vựng, trọng âm ngữ đoạn trong tiếng Việt</p> <p style="text-align: right;">ThS. Nguyễn Trần Quý</p> <p style="text-align: center;"><i>Khoa Việt Nam học, ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM</i></p>	33
22	<p>Ngữ pháp, ngữ nghĩa của LÀM</p> <p style="text-align: right;">TS. Nguyễn Văn Phô</p> <p style="text-align: center;"><i>Khoa Việt Nam học, ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM</i></p>	34
23	<p>So sánh cấu trúc ngữ động từ tiếng Việt với cấu trúc ngữ động từ tiếng Hàn</p> <p style="text-align: right;">ThS. Phan Thanh Tâm ThS. Ngô Hải Uyên</p> <p style="text-align: center;"><i>Khoa Việt Nam học, ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM</i></p>	35

30	Sử thi người Stiêng – Nhìn từ mối quan hệ folklore và nhân học	44
	NCS. Hà Thị Thới <i>Khoa Văn học, ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM</i>	
31	Lịch sử nghiên cứu ca dao dân ca Nam Bộ từ nguồn tài liệu sưu tầm trước 1975	45
	TS. La Mai Thi Gia <i>Khoa Văn học, ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM</i>	
32	Kontum kỳ thú và bí ẩn cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX qua Kontum tỉnh chí và Thạch Xuyên thi tập của Võ Chuẩn	46
	TS. Lê Đắc Tường <i>Trường THCS và THPT Liên Viêt Kon Tum</i>	
33	Ảnh hưởng nhân sinh quan Phật giáo trong sáng tác thơ chữ Hán của các nhà Nho Việt Nam thế kỉ XVIII đến đầu thế kỉ XIX	47
	ThS. Lê Sỹ Đồng <i>ĐH Thủ Dầu Một</i>	
34	Promoting the culture of Vietnam Southwest region through tourism activities	48
	TS. Lư Tuấn Anh <i>Khoa Du lịch & Ẩm thực, ĐH Công nghiệp Thực phẩm Tp.HCM</i>	
35	Diễn xướng dân gian, sân khấu chuyên nghiệp, điêu khắc và hội họa ở Hà Tiên: Góc nhìn loại hình	49
	TS. Nguyễn Bá Long <i>Trường CĐSP Kiên Giang</i>	
36	Thế hệ nhà Việt học mới ở Trung Quốc: Trường hợp Giáo sư Lưu Chí Cường	51
	PGS.TS. Nguyễn Hữu Sơn <i>Viện Văn học – Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam</i>	
37	Bản sắc văn hóa Việt Nam nhìn từ quá trình giải Án hóa trong lịch sử	53
	HVCH. Nguyễn Minh Giang <i>Khoa Văn hóa học, ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM</i>	

- 38 Sự lưu hành và ảnh hưởng của thơ giải xăm (籤詩) ở Việt Nam 55
 TS. Nguyễn Thanh Phong
Đại học An Giang, ĐHQG-HCM
- 39 Đặc điểm tuồng hài dân gian Nam Bộ 57
 ThS. Nguyễn Thị Huyền Trang
Khoa Việt Nam học, ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM
- 40 Chân dung người phụ nữ Việt Nam cuối thế kỷ XVII – đầu thế kỷ XX qua các tác phẩm ký của người nước ngoài 59
 TS. Nguyễn Thị Kim Phượng
Khoa Việt Nam học, ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM
- 41 Vietnamese identity in the era of globalization: What the youth think about traditional culture 61
 Th.S. Nguyễn Tuấn Nghĩa
Khoa Việt Nam học, ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM
- 42 Tiếp cận bản sắc văn hóa Việt Nam từ góc độ tiếp biến văn hóa: Trường hợp biến đổi mô thức trong tục nhuộm răng của người Việt 62
 TS. Nguyễn Văn Hiệu
Khoa Văn hóa học, ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM
- 43 Minh văn trên gốm Sài Gòn, thể hiện quá trình hình thành và phát triển các ngôi miếu Hoa tại Thành phố Hồ Chí Minh 63
 ThS. Nguyễn Việt Vinh
Bảo tàng Thành phố Hồ Chí Minh
- 44 Hospitable Russians, hard-working Vietnamese – A psycholinguistic research of Russian-Vietnamese mutual perceptions 65
 TS. Phạm Hiên,
 Irina Markovina,
 Istvan Lenart,
 Alexey Matyushin
Russian Foundation for Basic Research and Vietnam Academy of Social Sciences

45	Hình tượng nhân vật yêu ma từ truyện cổ tích dân gian đến truyện truyền kỳ trung đại Việt Nam TS. Phạm Văn Hóa <i>Khoa Ngữ văn và Lịch sử, Trường Đại học Đà Lạt</i>	66
46	Việt Nam trong các tác phẩm văn học đương đại Nga PGS.TS. Sokolov Anatory Alexeevich <i>Viện Đông phương học, Viện Hàn lâm Khoa học Nga, Moskva, Liên bang Nga</i>	68
47	Những đóng góp của Khái Hưng trong quá trình hoàn thiện chữ Quốc ngữ NCS. Tanaka Aki <i>ĐH Ngoại ngữ Tokyo, Nhật Bản</i>	69
48	Xung đột và tiếng cười trong kiểu truyện trạng Việt Nam và Lào từ góc nhìn văn hoá Trần Khoa Nguyên ThS. Đỗ Đình Linh Vũ <i>Khoa Ngôn ngữ học, ĐHKHXH&NV, ĐHQG-HCM</i>	70
49	Văn hóa giao tiếp của Việt Nam trong đàm phán thương mại quốc tế (Trường hợp trong đàm phán thương mại Việt - Mỹ) ThS. Trần Thị Ngọc Mai <i>Khoa Việt Nam học, ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM</i>	71
50	Thể loại truyện vừa ở Nam Bộ đầu thế kỷ Xx – Trường hợp Sơn Vương NCS. Trần Thị Mỹ Tiên <i>Bộ môn Việt Nam học, Đại học Bạc Liêu</i>	72
51	Hoàng Xuân Hãn và tư liệu tác phẩm chữ Nôm của Girolamo Maiorica tại Thư viện quốc gia Paris PGS.TS. Trần Thị Phương Phương <i>Khoa Văn học, ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM</i>	73

- 52 Tiếng Việt trong cộng đồng người Việt ở Pháp – Góc nhìn của người Pháp đối với tiếng Việt và cộng đồng người Việt Nam tại Pháp (Trường hợp cộng đồng người Việt Nam tại Marseille) 74
ThS. Văn Thị Thanh Nhân
Ancienne Enseignante à l'Université des sciences sociales et humaines de HCM ville Viet Nam; Enseignante de la langue vietnamienne à Marseille en Provence
- 53 Một vài hình ảnh về hội chợ quốc tế trong DU KÝ QUỐC NGŨ của người Việt Nam viết về thế giới nửa cuối thế kỷ XIX - nửa đầu thế kỷ XX 76
ThS. Võ Thị Thanh Tùng
Đại học Thủ Dầu Một
- 54 Tiếp biến và giao lưu văn hoá Việt - Chăm- Khmer - Ấn Độ và Trung Hoa qua tín ngưỡng thờ nữ thần ở Nam Bộ 78
TS. Vũ Văn Chung
Bộ môn Tôn giáo học, ĐH KHXH&NV, ĐHQG Hà Nội
- 55 Thần biển trong tín ngưỡng của người Kinh Tam Đảo tại Vạn Vĩ, Quảng Tây, Trung Quốc 80
Yuemoto Haruki
Khoa Việt Nam học, ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM
- Tiểu ban 3: Lịch sử – Xã hội**
- 56 Sự gắn kết cộng đồng người Nhật ở TP.HCM 81
ThS. Bùi Thị Duyên Hải
Khoa Việt Nam học, ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM
- 57 Việt học: Góc nhìn từ tài liệu về miền đất phương Nam trong Lưu trữ Tây Ban Nha 82
ThS. Cao Việt Anh
Viện Nghiên cứu Hán Nôm
- 58 Truyền thừa và diễn biến Tiên Thiên Đạo tại Việt Nam: Trường hợp Nam Nhã Phật Đường (Cần Thơ) của Đạo Minh Sư 83
GS.TS. Chung Yun-Ying (Chung Vân Oanh)
HVCH. Huỳnh Hoàng Nam
Yuan Ze University

- 59 Thương cảng: Biểu tượng hội nhập khu vực bằng hải thương của Việt Nam thời cổ-trung đại 85
ThS. Dương Trường Phúc
ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM
- 60 Sự thích ứng với môi trường sinh thái: Trường hợp chủ thể văn hóa vùng Đồng bằng sông Cửu Long 87
TS. Đinh Thị Dung
Khoa Việt Nam học, ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM
- 61 Tính nhà nước thời Hùng Vương qua truyền thuyết lịch sử 88
PGS.TS. Hoàng Văn Việt
TT nghiên cứu Thái Lan, ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM
- 62 Cuộc Minh Tân ở Nam Kỳ những năm đầu thế kỷ XX 90
TS. Huỳnh Đức Thiện
Khoa Việt Nam học, ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM
- 63 Biến đổi trong hoạt động trồng trọt của người K'ho ở khu vực Lang Biang, tỉnh Lâm Đồng 91
TS. Lê Thị Mỹ Hà
Khoa Việt Nam học, ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM
- 64 Bồi thường thiệt hại do xâm phạm quyền tác giả theo pháp luật Việt Nam 93
TS. Lê Thị Tuyết Hà
Khoa Luật, Trường Đại học Mở TPHCM
- 65 Văn hóa chính trị ở Việt Nam hiện nay 95
PGS.TS. Lý Vĩnh Long (Lee Yung Lung)
Đại học Tịnh Nghi, Đài Loan
- 66 Hợp tác giáo dục đại học Hoa Kỳ - Việt Nam dưới thời kỳ cầm quyền của tổng thống Donald Trump (2017 - 2021) 96
NCS. Nguyễn Thị Huyền Thảo
Khoa Lịch Sử, ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM
- 67 Tôn vinh hình ảnh Hồ Chí Minh ở nước ngoài – Phương thức gia tăng sức mạnh mềm quốc gia (Nghiên cứu trường hợp tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc) 98
PGS.TS. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh
Đại học Sư phạm Hà Nội

- 68 General education in the North of Vietnam, period 1954-1975: Achievements, limitations and lessons for current education reform 100
 TS. Nguyễn Thị Quốc Minh
Khoa Văn học, ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM
- 69 Giáo sư Furuta Motoo - Nhà Việt Nam học hàng đầu và đa diện 101
 PGS.TS. Nguyễn Tiến Lực
ĐH KHXH&NV, ĐHQG TP Hồ Chí Minh
- 70 Bước đầu tìm hiểu về giáo phái mới “Tứ Ân Đạo Phật” ở một số địa phương của tỉnh An Giang và Kiên Giang, Nam Bộ, Việt Nam 103
 TS. Nguyễn Trung Hiếu
 ThS. Đặng Đăng Thư
Khoa Du lịch và Văn hoá Nghệ thuật, ĐH An Giang – ĐHQG TP.HCM
- 71 Việt Nam và trật tự quốc tế mới ở khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương: Hiện tại và tương lai 104
 TS. Trần Hùng Minh Phương
Đại học Nguyễn Tất Thành
- 72 The Policies of Cultural Management Concerning National Security Throughout the Reign of Emperor Minh Mạng (1820 - 1840) 106
 Tran Minh Hop
Ph.D. student, Ph.D. Program in Asia-Pacific Regional Studies, National Dong Hwa University, Taiwan
- 73 Phát triển nguồn nhân lực khoa học xã hội và nhân văn ở Việt Nam trong xu hướng toàn cầu hóa 108
 TS. Trần Thị Mai Nhân
Khoa Việt Nam học, ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM
- 74 Pháp luật về phân cấp quản lý ở một số quốc gia Châu Á và một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật Việt Nam 110
 NCS. Trần Thị Mai Phước
ĐH Kinh tế TP HCM

TIỂU BAN 1: VIỆT NGỮ HỌC VÀ PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY TIẾNG VIỆT

TIẾNG 'NHÀ ĐẠO'
DÙNG TRONG GIÁO HỘI CÔNG GIÁO VIỆT NAM TỪ
THỜI 'PHÉP GIẢNG TÁM NGÀY' (ALEXANDRE DE RHODES, 1651)
ĐẾN NGÀY NAY

GS. TS. Bùi Chúc Quyên Di

Asian Languages and Cultures, UCLA Centre for Southeast Asian Studies, USA

quyendi@humnet.ucla.edu

Tóm tắt

Bài trình bày này ghi lại một nét rất đơn sơ về sự đóng góp của đạo Công giáo cho đời sống người Việt trong lãnh vực ngôn ngữ.

Công đầu trong việc hình thành và phổ biến chữ Quốc Ngữ phải dành cho các vị thừa sai Công giáo Âu châu đến Việt Nam truyền đạo, trong đó có những linh mục Francisco de Pina, Cristoforo Borri, Alexandre de Rhodes. Alexandre de Rhodes được biết đến nhiều nhất vì đã cho ấn hành hai cuốn sách đầu tiên bằng chữ Quốc Ngữ tại Roma vào năm 1651: Tự Điển Việt-Bồ-La và Phép Giảng Tám Ngày.

Nội dung thu hẹp của bài trình bày này là xem lại những từ vựng mà người Công giáo dùng trong đời sống đạo của họ, bắt đầu từ quyển Phép Giảng Tám Ngày cho đến ngày nay. Những từ vựng này được gọi là “tiếng nhà đạo” vì chỉ có người Công giáo dùng nhiều và chỉ người Công giáo mới hiểu ý nghĩa của những từ vựng đó. Người bên ngoài đạo Công giáo có nghe qua những từ vựng này sẽ không hiểu rõ. Điều này đôi khi có thể khiến xảy ra những sự thiếu thông cảm, thậm chí gây ra những hiểu lầm đáng tiếc.

Abstract

This presentation captures a very simple outline of the contribution of Catholicism to Vietnamese life in the field of language.

The first contribution in the formation and dissemination of Quoc Ngu script must be given to European Catholic missionaries who came to Vietnam to evangelize, including priests Francisco de Pina, Cristoforo Borri, Alexandre de Rhodes. Alexandre de Rhodes is best known for publishing the first two books in Quoc Ngu script in Rome in 1651: the Vietnamese-Portuguese-Latin Dictionary and

THE 5TH INTERNATIONAL CONFERENCE OF VIETNAMESE STUDIES

the Eight-Day Catechism Teaching.

The narrow content of this presentation is to review the vocabulary used by Catholics in their religious life, starting from the Eight-Day Catechism Teaching to the present day. These words are called “religious language” because only Catholics use a lot and only Catholics understand the meaning of these words. People outside of Catholicism who have heard these words will not understand them well. This can sometimes lead to a lack of understanding, even causing unfortunate misunderstandings.

VỀ MỘT VÀI CHỈ TÓ DIỄN NGÔN
CÓ NGUỒN GỐC TỪ CÂU TỒN TẠI TRONG TIẾNG VIỆT HIỆN ĐẠI TỪ
CÁCH TIẾP CẬN CỦA NGỮ PHÁP DIỄN NGÔN

PGS.TS. Đào Huy Linh

NCS. Đỗ Nguyệt Tú

Southeast Asia & Pacific Department, The National Institute for Oriental
Languages and Civilizations (INALCO - Paris)

huy-linh.dao@inalco.fr

Tóm tắt

Đại từ nhân xưng trong tiếng Việt vô cùng phong phú và phức tạp. Đối với tiếng Trung, hệ thống đại từ nhân xưng bao gồm đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất (我), đại từ nhân xưng ngôi thứ 2 (你) và đại từ nhân xưng ngôi thứ ba (他/她), nhưng trong tiếng Việt, đại từ nhân xưng bao gồm đại từ thực thụ và đại từ lâm thời (Phạm Thành, 1987). Từ chính những đại từ lâm thời này đã làm cho đại từ nhân xưng trong tiếng Việt trở nên càng phong phú hơn, tinh tế hơn.

Trong tiếng Việt, mỗi tình huống, trường hợp, địa vị khác nhau mà con người sử dụng đại từ nhân xưng khác nhau. Trong quá trình học tiếng Việt của người Đài Loan không thể tránh khỏi sử dụng sai đại từ nhân xưng. Vì thế, bài nghiên cứu này sẽ đề cập đến khái quát về sự khác nhau giữa đại từ nhân xưng trong tiếng Việt và trong tiếng Trung, các lỗi thường gặp của người Đài Loan khi sử dụng đại từ nhân xưng trong giao tiếp, từ đó đưa ra các gợi ý sử dụng đại từ cho phù hợp với từng hoàn cảnh. Mục đích giúp ích cho người Đài Loan học tiếng Việt nắm rõ hơn về cách sử dụng đại từ nhân xưng trong tiếng Việt, và cung cấp cho người giảng dạy tư liệu tham khảo.

Abstract

Vietnamese personal pronouns are incredibly rich and complex. While Chinese personal pronoun system comprises the first personal pronoun (我), the second personal pronoun (你), and the third personal pronoun (他/她), Vietnamese personal pronouns include both real and provisional pronouns (Pham Thanh, 1987). It is because of these provisional pronouns that personal pronouns in Vietnamese have become richer and more sophisticated.

In Vietnamese language, people would use different personal pronouns in each situation, case, and position. It is inevitable that Taiwanese might use incorrect personal pronouns in their process of learning Vietnamese language. As a result, this research will provide a general overview of dissimilarities between personal pronouns in Vietnamese and Chinese as well as common mistakes of using these pronouns in communication. At that point, some helpful suggestions about how to use appropriate pronouns according to particular circumstances should be mentioned in order to enable Taiwanese learners to gain a better understanding of personal pronouns in Vietnamese and to equip teachers with reference materials.

**PHÁT ÂM VÀ NHẬN BIẾT NGUYÊN ÂM ĐƠN TIẾNG VIỆT
CỦA HỌC VIÊN NGƯỜI LÀO**

TS. Đào Mục Đích

TS. Nguyễn Thị Anh Thư

Khoa Việt Nam học, ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM

dichvns@hcmussh.edu.vn

Tóm tắt

Bài báo này trình bày nghiên cứu về vai trò của ngữ âm và âm vị của tiếng mẹ đẻ (L1) đối với việc phát âm và nhận biết những đặc điểm của chất lượng nguyên âm của ngôn ngữ thứ hai (L2). Cụ thể, nghiên cứu đã kiểm tra việc phát âm và sự nhận biết các nguyên âm đơn tiếng Việt của các cộng tác viên người Lào bằng việc sử dụng các thực nghiệm như nhận diện (identification), bắt chước/đọc theo (imitation) và đọc to (read aloud) ngữ liệu.

Cộng tác viên tham gia nhóm nghiên cứu bao gồm hai nhóm. Nhóm 1 gồm 11 cộng tác viên người Việt Nam (nhóm đối chứng) và nhóm 2 gồm 10 cộng tác viên người Lào (nhóm học tiếng Việt). Và ngữ liệu bao gồm 9 nguyên âm tiếng Việt / i, e, ε, a, ɔ, o, u, ɾ, u / và 9 nguyên âm tiếng Lào / i, e, ε, a, ɔ, o, u, ɾ, u /.

Kết quả nghiên cứu cho thấy nhóm cộng tác viên người Lào - những người Lào học tiếng Việt không thể nhận biết hay phân biệt được các cặp nguyên âm trong tiếng Việt /ε/ - /e/, /o/ - /ɔ/ và /u/ - /u:/ một cách chính xác. Các nguyên âm tiếng Việt /ε/ và /e/ do nhóm cộng tác viên người Lào phát âm cũng bị trùng lấp với nhau trên không gian nguyên âm (vowel space). Hơn nữa, các nguyên âm tiếng Việt /o/ và /ɾ/ và các nguyên âm /u/ và /u:/ do nhóm cộng tác viên người Lào tạo ra khi thực hiện thực nghiệm đọc to (read aloud) cũng bị trùng lấp nhau trên không gian nguyên âm (vowel space). Nhìn chung, kết quả của nghiên cứu này cho thấy những học viên người Lào học tiếng Việt thường chuyển các đặc điểm chất lượng nguyên âm L1 của họ vào việc phát âm các nguyên âm tiếng Việt. Nói cách khác, đó là sự ảnh hưởng của ngữ âm và âm vị của tiếng Lào (L1) – tiếng mẹ đẻ của các học viên Lào đối với việc học phát âm tiếng Việt.

**Lao speakers' perception and production
of Vietnamese monophthong vowels**

Abstract

This article reports a study that investigated the role of prior native or first language

(L1) phonological and phonetic learning on the production and perception of vowel quality features in the acquisition of second language (L2) vowels by examining adult L2 Lao learners' perception and production of Vietnamese monophthong vowels in an identification, an imitation and a read aloud tasks. Two groups of participants took part in the study (11 control Vietnamese, 10 Lao learners of Vietnamese). The stimuli consisted of 9 Vietnamese monophthongs /i, e, ε, a, ɔ, o, u, ɤ, ʉ/ and 9 Lao short vowels /i, e, ε, a, ɔ, o, u, ɤ, ʉ/. The results showed that Lao learners of Vietnamese have problems distinguishing the Vietnamese vowel pairs /ε/-/e/, /o/-/ɔ/ and /u/ - /ʉ/ accurately in their perception. In terms of production, Vietnamese vowels /ε/ and /e/ in the imitation task merged in vowel space. Moreover, the Vietnamese vowels /o/ and /ɤ/ and vowels /u/ and /ʉ/ produced by Lao learners in the read aloud task also overlapped in vowel space. In general, the findings of this study showed that Lao learners transfer their L1 vowel quality features into the production of Vietnamese vowels.

**GIỚI THIỆU TÌNH HÌNH GIẢNG DẠY VIỆT NAM HỌC VÀ TIẾNG VIỆT
TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC SOPHIA “ST. KLIMENT OHRIDSKI”, BUNGARI**

ThS. Dayana Ivanova

Đại Học Sophia “St. Kliment Ohridski”, Bungari

daynapl@abv.bg

Tóm tắt

Việc giảng dạy và học Việt Nam học và tiếng Việt như môn học đại học bắt buộc chính thức bắt đầu từ năm 2014 tại trường Đại học Sophia “St. Kliment Ohridski”, trường đại học lâu đời nhất ở Bulgaria. Khoa Ngôn ngữ học là khoa lớn nhất của Đại học Sophia, có nhiều thành tựu đáng kể trong lĩnh vực nghiên cứu và giảng dạy ngôn ngữ, văn học và văn hóa học. Môn học "Tiếng Việt" là một môn học được bổ sung mới nhất vào chương trình đào tạo của Trung tâm Đông phương học của Khoa Ngôn ngữ học. Qua 5 năm, chương trình "Châu Á học" phát triển phần nghiên cứu Việt Nam và tiếng Việt nhiều hơn. Những sinh viên Bulgaria mới bắt đầu học tiếng Việt đã gặp khó khăn trong việc học các chi tiết cụ thể của phát âm, từ vựng, ngữ pháp tiếng Việt vì phương pháp giảng dạy tiếng Việt chưa phát triển cho sinh viên Bulgaria. Mục đích của bài viết là giới thiệu tình hình giảng dạy, học Việt Nam học và tiếng Việt tại trường Đại Học Sophia “St. Kliment Ohridski”, và tổng kết kinh nghiệm hiện tại của các giảng viên, giáo viên, sinh viên ở Bulgaria tham gia chương trình Nghiên cứu Châu Á. Cuối cùng, tác giả sẽ rút ra kết luận về những gì đã đạt được và những gì cần cải thiện trong lĩnh vực của nghiên cứu Việt Nam tại Bulgaria.

**Teaching and studying Vietnamese language and culture:
First steps and experiences in Bulgaria**

Abstract

The first official start of teaching and studying Vietnamese language as a university course, began in 2014 at the oldest university in Bulgaria – Sofia University “St. Kliment Ohridski”. The Faculty of Classical and Modern Philology stands out as the largest faculty of Sofia University and has significant achievements in the fields of researching and teaching language, literature and culture. The academic course “Practical Vietnamese language” is one of the latest additions to the curriculum of degree programs at the Centre for Eastern Languages and Studies. Through the years, beginner students have encountered difficulties in learning the specifics of the language, while, on the other side, it has been challenging for tutors

THE 5TH INTERNATIONAL CONFERENCE OF VIETNAMESE STUDIES

to offer consistent methodology that gives the students the needed language acquisition and cultural background. The aim of the paper is to summarize and present the current experience of lecturers, teachers, students in Bulgaria that are involved in the Asian Studies program and to draw out conclusions on what has been achieved and what has to be improved in the newly developed field of Vietnamese Studies in Bulgaria.

VẤN ĐỀ TIẾNG MẸ ĐỂ CỦA NGƯỜI HOA Ở NAM BỘ

PGS. TS. Hoàng Quốc

Đại học Sài Gòn

hngquoc@gmail.com

Tóm tắt

Do vấn đề lịch sử và hàng loạt các nhân tố chính trị xã hội, người Hoa đến vùng đất Nam bộ nói chung từ các hướng khác nhau với các nhóm địa phương khác nhau và theo đó là các tiếng địa phương khác nhau, cho nên khái niệm tiếng mẹ đẻ của người Hoa dường như có phần phức tạp hơn so với các thành phần dân tộc thiểu số khác ở Việt Nam. Là một dân tộc di cư đến vùng đất Nam Bộ khá sớm, người Hoa có quan hệ chặt chẽ với người Việt và cũng vì vậy mà ngay trong ý thức về tộc người cũng có những cách nhìn thay đổi. Về ngôn ngữ cũng vậy, bên cạnh số đông tự nhận tiếng mẹ đẻ là tiếng Hoa, thì họ cũng tự nhận là tiếng Việt và tiếng Khmer là tiếng mẹ đẻ của họ. Ngoài ra, việc kết hôn khác dân tộc và ngay cả cùng dân tộc nhưng khác nhóm địa phương cũng nảy sinh ra vấn đề giao tiếp và vấn đề xác định ngôn ngữ nào là tiếng mẹ đẻ cho các thế hệ tiếp theo.

Từ khóa: Cộng đồng người Hoa, tiếng Hoa phương ngữ, vấn đề tiếng mẹ đẻ, Nam Bộ, Việt Nam

The issues of the Chinese mother tongue in the South of Viet Nam

Abstract

Since historical issues and a variety of socio-political factors, the Hoa/Chinese have immigrated to the South of Vietnam from different parts of China and brought along their different dialects, therefore, the notion of the Chinese mother tongue seems to be somewhat more complicated than that of other ethnic minorities in Vietnam. As an ethnic group that came to the Southern region quite early, they have a close relationship with the Vietnamese people (Kinh) and there are also changing views in their sense of ethnicity. In terms of language too, besides the majority who self-identify their mother tongue as Chinese, the others acknowledge Vietnamese and Khmer as their mother tongue. In addition, marriage to different ethnic groups or even to the same ethnic group but with different locals also raises communication problems and the issues of determining which language is the mother tongue for their next generations.

Keywords: Hoa community, Chinese dialects, the issues of mother tongue, Southern, Vietnam

**QUAN HỆ GIỮA “ĐIỂM ĐẦU” VÀ “ĐIỂM ĐÍCH”
CỦA CÁC ĐỘNG TỪ CHUYỂN ĐỘNG TRONG TIẾNG VIỆT**

TS. Huỳnh Công Hiến

Khoa Việt Nam học, ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM

huynhcongghien@hcmussh.edu.vn

Tóm tắt

Bài viết bàn về Quan hệ giữa « điểm đầu » và « điểm đích » của các động từ chuyển động trong tiếng Việt trong mối quan hệ với hoạt động dạy tiếng Việt cho người nước ngoài. Trong chương trình Tiếng Việt sơ cấp cho người nước ngoài, Nhóm từ chỉ hướng chuyển động bao gồm 5 từ đại diện là "lên", "xuống", "ra", "vào", "sang". Chúng tôi đề nghị một cách tiếp cận, một hướng khai triển và các cách luyện tập để hướng đến mục đích giúp các học viên người nước ngoài sử dụng đúng Nhóm từ chỉ hướng chuyển động trong tiếng Việt.

Từ khóa: Từ chỉ hướng chuyển động / lên - xuống - ra - vào - sang

**The relationship between 'starting point' and 'destination point'
of the motion verbs in Vietnamese language**

Abstract

This articles researches about the relationship between « starting point » and « destination point » of the motion verbs in Vietnamese Language to teach for foreigners. In the word group indicate the direction of movement, there are 5 main words: "lên", "xuống", "ra", "vào", "sang". We propose an approach, a development direction and the ways to pratice in order to help the students who are foreigners can use words groups that indicates movement direction in Vietnamese Language properly.

Keywords: the word group indicate the direction of movement

**CONCEPTUAL DOMAIN OF "UTENSILS"
IN THE PERCEPTION OF VIETNAMESE PEOPLE
(SURVEY ON IDIOM CORPUS)**

NCS. Nguyễn Đình Việt,

TS. Huỳnh Thị Hồng Hạnh

Khoa Ngôn ngữ học, ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM

hanhhuynhussh@gmail.com

Tóm tắt

Qua khảo sát ngữ liệu thành ngữ, bài viết đi sâu xác lập và tìm hiểu miền ý niệm “vật dụng” trong tri nhận của người Việt. Có thể khẳng định rằng, “vật dụng” là một miền ý niệm cơ bản, giàu trải nghiệm và tồn tại sâu đậm trong tâm trí của người Việt (tương tự như miền thực vật, động vật, đồ ăn, sông nước...). Xuất phát từ chính kinh nghiệm trong quá trình sử dụng, “vật dụng” trở thành một công cụ hữu hiệu giúp người Việt nhận thức và lí giải thế giới. Điều này thể hiện rõ trong những ẩn dụ ý niệm như CON NGƯỜI LÀ VẬT DỤNG, PHẨM CHẤT/ TÍNH CÁCH/ TÌNH CẢM CỦA CON NGƯỜI LÀ VẬT DỤNG, HIỆN TƯỢNG TỰ NHIÊN LÀ VẬT DỤNG, HOÀN CẢNH/ TÌNH THỂ CỦA CON NGƯỜI LÀ TÌNH TRẠNG/ GIÁ TRỊ CỦA VẬT DỤNG,... Kết quả nghiên cứu của bài viết cho thấy một số nét độc đáo trong tư duy và văn hoá Việt biểu hiện qua miền ý niệm “vật dụng”; khẳng định thêm vai trò của việc nghiên cứu miền ý niệm đối với hoạt động phân tích và mô tả quá trình ý niệm hoá diễn ra trong tâm trí con người.

Từ khóa: tri nhận, ẩn dụ ý niệm, vật dụng, thành ngữ

Abstract

Through the survey on idiom corpus, the article goes into depth to establish and understand the conceptual domain of "utensils" in the perception of Vietnamese people. It can be affirmed that "utensils" is a basic conceptual domain, rich in experience and deeply existing in the minds of Vietnamese people (similar to the domain of plants, animals, food, rivers, etc.). Stemming from the experience in the process of using, "utensils" becomes an effective tool to help Vietnamese people perceive and interpret the world. This is evident in conceptual metaphors such as HUMAN IS “UTENSILS”, HUMAN QUALITIES/ CHARACTER/ EMOTIONS ARE “UTENSILS”, NATURAL PHENOMENON IS “UTENSILS”, HUMAN CIRCUMSTANCES/ SITUATION IS “UTENSIL”/ VALUE OF “UTENSIL” ...

The research results of the article show that some unique features in Vietnamese thinking and culture are expressed through the conceptual domain of "utensils"; further confirmed the role of the study of the conceptual domain for the analysis and description of the conceptualization process taking place in the human mind.

Keywords: cognitive, conceptual metaphors, utensils, idioms

**GIẢNG DẠY THUYẾT TRÌNH CHO SINH VIÊN NƯỚC NGOÀI Ở CÁC
LỚP HỌC TIẾNG VIỆT NGẮN HẠN**

ThS. Lại Thị Minh Đức

Khoa Việt Nam học, ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM

minhducnktp@yahoo.com

Tóm tắt

Dạy thuyết trình cho sinh viên nước ngoài là cách rèn sinh viên trình bày rõ ràng một vấn đề, một chủ đề bằng tiếng Việt trước nhiều người. Đối với những lớp học không phải là sinh viên ngành Việt Nam học hệ chính quy mà là các học viên lớp học tiếng Việt ngắn hạn, môi trường lớp học có các học viên đến từ các quốc gia khác nhau, khả năng tiếp thu không đều, độ tuổi, sự cởi mở và bên cạnh đó quỹ thời gian học tập khác nhau, liệu chúng ta có thể áp dụng giảng dạy thuyết trình và dạy như thế nào? Đây có lẽ là một câu hỏi nhiều giáo viên băn khoăn về tính khả thi. Bài viết này chúng tôi sẽ trao đổi, chia sẻ những ý kiến xoay quanh phương pháp giảng dạy thuyết trình tiếng Việt cho người nước ngoài, trên cơ sở đúc rút kinh nghiệm từ thực tế, mục đích nhằm giúp học viên nước ngoài tham gia các khóa học tiếng Việt ngắn hạn ở Đại học KHXH&NV TP.HCM trình độ trung cấp, đầu trung cấp có thể nâng cao khả năng nói tiếng Việt và thuyết trình lưu loát, tự tin.

Từ khóa: giảng dạy thuyết trình, sinh viên nước ngoài, lớp tiếng Việt ngắn hạn

Abstract

Teaching presentations to foreign students is a good practice that can help students present a topic in Vietnamese clearly in front of many people. In short-term Vietnamese classes, learners from different countries with different learning abilities, different age, different open-mindedness, and different learning times, can we teach them make a presentation? This is a question many teachers take consideration. In this article, we will share our opinion on teaching Vietnamese presentations to foreigners, on the basis of teaching from practice. The purpose is to help foreign students in short-term Vietnamese language courses at the University of Social Sciences and Humanities, Ho Chi Minh City, students at the pre-intermediate and intermediate levels can improve their ability to speak Vietnamese and present confidently and fluently.

Keywords: teaching presentations, foreign students, short-term Vietnamese classes

NGỮ DỤNG CỦA "THÌ"

TS. Lê Thị Minh Hằng

Khoa Việt Nam học, ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM

hangmytho@gmail.com

Tóm tắt

“THÌ” là một từ chức năng quan trọng trong tiếng Việt, đặc biệt là trong khẩu ngữ. Nó được xem là yếu tố phân giới đề - thuyết. Khi đứng ở đầu câu nó được nhiều người xem là trợ từ nhấn mạnh. Trong bài viết này, từ góc nhìn logic và ngữ dụng học, tác giả chứng minh rằng từ “THÌ” đứng đầu câu về bản chất là yếu tố mở đầu cho thành phần kết quả trong cấu trúc điều kiện.

Từ khóa: Thì, cấu trúc điều kiện, quan hệ nhân quả

Abstract

“THÌ” is a very important function word in Vietnamese, especially in conversation. It is considered as a demarcating factor of theme-rheme. When placed at the beginning of a sentence it is considered by many researchers to be an emphasizing particle. In this article, from the pragmatic point of view, the author proves that the word "THÌ" at the beginning of a sentence is essentially the beginning factor of the result component in the conditional structure.

Keywords: Thì, conditional, causal relation

**GIỚI THIỆU VỀ NHỮNG HÌNH THỨC
TỔ CHỨC THI NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT Ở ĐÀI LOAN**

HVCH. Lù Việt Hùng

Department of Taiwanese Literature, National Cheng Kung University

hero1801@gmail.com

Tóm tắt

Trong vài năm gần đây, nhu cầu học tập tiếng Việt của người Đài Loan cũng như con em người Việt ở Đài Loan ngày càng tăng cao. Kéo theo đó là nhu cầu được kiểm tra, đánh giá trình độ tiếng Việt của những đối tượng này. Chính vì thế, ở Đài Loan đã xuất hiện một số hình thức tổ chức thi năng lực tiếng Việt. Trong đó, có thể chia làm 3 loại hình chính như sau: loại hình độc lập, loại hình liên kết hợp tác, loại hình ủy thác. Loại hình độc lập nghĩa là chỉ có một đơn vị tổ chức duy nhất, đơn vị này đứng ra nghiên cứu soạn đề, kiểm tra đánh giá và thẩm duyệt đề, tổ chức thi, cấp chứng chỉ v.v... một cách độc lập. Loại hình tổ chức liên kết, hợp tác có nghĩa là có ít nhất 2 đơn vị cùng nhau thực hiện toàn bộ những công việc trên. Đối với loại hình tổ chức theo hình thức ủy thác, mặc dù cũng có ít nhất hai đơn vị cùng tổ chức, nhưng vai trò của những đơn vị này khác nhau. Cụ thể là, sẽ có đơn vị đóng vai trò là đơn vị tổ chức chính và đơn vị còn lại sẽ đóng vai trò là đơn vị bị ủy thác tổ chức. Những công việc liên quan đến tổ chức thi sẽ do đơn vị được ủy thác thực hiện, còn những công việc còn lại sẽ do đơn vị tổ chức chính chịu trách nhiệm. Luận văn này sẽ giới thiệu về 3 loại hình tổ chức thi năng lực tiếng Việt ở Đài Loan này, đồng thời đưa ra những đánh giá sơ bộ về ưu điểm và nhược điểm của chúng.

Từ khóa: tổ chức, thi, tiếng Việt, độc lập, hợp tác, ủy thác

**Introduction to the forms
of organizing the Vietnamese language proficiency test in Taiwan**

Abstract

In recent years, the demand for learning Vietnamese from Taiwanese as well as Vietnamese children in Taiwan has increased. Followed by the need to be tested and assessed the Vietnamese language proficiency of these subjects. Therefore, in Taiwan, there have appeared some forms of organizing the Vietnamese language proficiency test. Which can be divided into 3 main types as follows: independent type, cooperation type, and entrustment type. Independent type means that there is only one organizational unit, which independently conducts research, prepares, tests, evaluates, and approves questions, organizes exams, issues certificates, etc. The type

of association or cooperation organization means that at least 2 units are working together to perform all the above tasks. For the type of organization in the form of trust, although there are also at least two units in the same organization, the roles of these units are different. Specifically, one unit will act as the main organizational unit and the other will act as the organizational trustee. The work related to the organization of the exam will be performed by the entrusting unit, and the rest will be responsible for the main organizing unit. This paper will introduce these three types of Vietnamese language proficiency tests in Taiwan and give preliminary assessments of their advantages and disadvantages.

Keywords: organizing, test, Vietnamese, independent, cooperation, entrustment

**RÈN LUYỆN KĨ NĂNG ĐỌC HIỂU TIẾNG VIỆT
CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI – TRÌNH ĐỘ CAO CẤP
QUA CÁC VĂN BẢN CHỦ ĐỀ VĂN HÓA -NGHỆ THUẬT**

ThS. Lương Ngọc Khánh Phương
Khoa Ngữ Văn, ĐH Sư phạm TP.HCM
luongngockhanhphuong@gmail.com

Tóm tắt

Đọc hiểu là một trong bốn kĩ năng cơ bản hình thành cấu trúc năng lực ngôn ngữ của người học ngoại ngữ. Qua quá trình đọc hiểu, người học lĩnh hội được vốn từ vựng phong phú, rèn luyện khả năng tiếp nhận, xử lí thông tin từ cấp độ câu đến văn bản. Hơn nữa, những tri thức và khả năng này tiếp tục trở thành nền tảng để hỗ trợ phát triển các năng lực còn lại.

Ở trình độ tiếng Việt cao cấp (nâng cao), người học được tiếp cận hệ thống kiến thức ngôn ngữ thông qua những chủ đề chuyên sâu về kinh tế, văn hóa, xã hội. Trong đó, các bài đọc về văn hóa - nghệ thuật đóng vai trò khá quan trọng trong việc mở rộng vốn từ tiếng Việt và tích hợp kiến thức về đời sống văn hóa trong dạy học tiếng Việt như một ngoại ngữ.

Kế thừa các công trình liên quan, bài viết đề xuất hướng dạy kĩ năng đọc hiểu tiếng Việt từ ngữ liệu thuộc chủ đề văn hóa, nghệ thuật.

Từ khóa: đọc hiểu, tiếng Việt như một ngoại ngữ, văn hóa, nghệ thuật

Abstract

Reading comprehension is one of the four basic skills that form the structure of language competence of foreign language learners. Through this process, learners will acquire a rich vocabulary, practice their ability to receive and solve messages from sentence to text level. Moreover, these knowledge and competence continue to support the development of others language competencies.

At the advanced level of Vietnamese, learners can access the language knowledge system through specialized topics on economy, culture and society. In particular, readings on culture and art play an important role in expanding Vietnamese vocabulary and integrating knowledge about cultural life in teaching Vietnamese as a foreign language.

Inheriting related papers, the article proposes a direction to teach Vietnamese reading comprehension skills from materials on cultural and artistic topics.

Key words: reading comprehension, Vietnamese as foreign language, culture, art

**ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT CỦA HỌC VIÊN QUỐC TẾ:
TỪ LÝ LUẬN ĐẾN THỰC TẾ**

PGS. TS. Nguyễn Chí Hòa

Khoa Việt Nam học và tiếng Việt, ĐHKHXHNV, ĐHQG-HÀ NỘI

nguyenchihoavh@gmail.com

Tóm tắt

Ngày 1 tháng 9 năm 2015, Bộ Giáo dục Đào Tạo đã ban hành Thông tư Số 17/2015/TT-BGDĐT: Khung năng lực tiếng Việt dành cho người nước ngoài. Có thể coi đó là chuẩn đầu ra cho ngành Việt Nam học và tiếng Việt. Bài viết này tập trung vào những vấn đề cơ bản sau:

1) Đổi mới giáo dục tác động đến đổi mới kiểm tra đánh giá như thế nào?

2) Có các yếu tố nào ảnh hưởng tới việc đánh giá năng lực của người học tiếng Việt? Bài viết xác định sự khác biệt đó là nền tảng ngôn ngữ, nguồn gốc ngôn ngữ khác nhau. Mức độ thành thạo tiếng Việt của họ khác nhau; nền tảng giáo dục cũng khác nhau. Mặt khác, yếu tố văn hóa cũng là nguồn tiềm năng tạo ra sự khác biệt làm tăng thêm tính phức tạp trong việc đánh giá học viên quốc tế (HVQT).

3) Lập kế hoạch đánh giá và xây dựng đề thi như thế nào? Phần này mô tả các bước khác nhau trong quy trình lập kế hoạch, nêu rõ các vấn đề liên quan đến đánh giá năng lực tiếng Việt của học viên quốc tế. Trong đó, nhấn mạnh việc xây dựng đề thi; đặc biệt xác định cấu trúc và hình thức thi; xác định số lượng và loại mục kiểm tra; đảm bảo yêu cầu của bài kiểm tra. Cách đánh giá chất lượng bài thi.

4) Cách xây dựng thang điểm và chấm điểm như thế nào? Bài viết trình bày cách thức xây dựng thang điểm và việc tập huấn cho người chấm điểm. Cuối cùng bài viết trình bày các vấn đề cần điều chỉnh qua các kỳ thi và đề thi.

Abstract

On September 1, 2015, the Ministry of Education and Training issued Circular No. 17/2015/TT-BGDĐT: Vietnamese language competency framework for foreigners. It can be considered as the output standard for Vietnamese studies and Vietnamese language. This article focuses on the following basics:

1) How does educational innovation impact assessment innovation?

2) What factors affect the assessment of Vietnamese learners' ability? The article identifies the difference, specifically the language background and different language origins. Not only does their Vietnamese proficiency vary, but distinctions can also be found in their educational backgrounds. On the other hand, cultural

factors are also a potential source of differences, increasing the complexity in international student assessment.

3) How to plan assessment and build exam questions? This section describes different steps in the planning process, highlighting the issues relevant to the assessment of Vietnamese language competency of international students. This emphasizes the construction of exam questions; in particular, defining the exam structure and format; clarifying the number and type of test items; and guaranteeing the test requirements. How to assess the quality of the test is also included.

4) How to build a scale and score? The article presents how to build a scale and train the scorers. Finally, the article presents issues that need to be adjusted through exams and exam questions.

TIẾNG VIỆT TỪ TK 17: NÊN MƯỜI TUỔI VÀ NÊN HOA
(VỀ KHUYNH HƯỚNG LẤN LỘN N VÀ L
TỪ CÁC TÀI LIỆU CHỮ QUỐC NGỮ CỦA LM DE RHODES)

NNC. Nguyễn Cung Thông

Nhà nghiên cứu ngôn ngữ học tự do

nguyencungthong@yahoo.com

Tóm tắt

Bài này viết về khuynh hướng lẫn lộn n và l từ các tài liệu chữ quốc ngữ của LM de Rhodes như tự điển Việt Bồ La, Phép Giảng Tám Ngày. Các dạng dùng tương đương như năm, lăm (mười lăm), nòng và lòng (lòng súng) cho thấy khả năng hoán chuyển cho nhau của những phụ âm đầu lưỡi n và l. Cấu trúc "nên ... tuổi" từ TK 17 đã trở thành "lên ... tuổi" trong tiếng Việt hiện đại, "nên hoa" trở thành "lên hoa, lên trái (lên đậu)". Ngoài ra một số từ Hán Việt cũng cho thấy sự lẫn lộn n và l như tân lang 檳榔 (cây cau, có gốc Mã Laipinang, nang > lang), noãn 卵 (trứng) đáng lẽ phải là loãn, loại 類 mở rộng nghĩa cho ra dạng nòi (l > n), thăm lom ~ thăm nom, lòng súng ~ nóng súng ...v.v...

Từ khóa: lẫn lộn n và l, lịch đại, phương ngữ, từ Hán Việt

**“Vietnamese language since Alexandre de Rhodes: the use of nên mười tuổi
(turning ten years old) and nên hoa (getting smallpox)”**

Abstract

This article traces the use of nên mười tuổi (turning ten years old) and nên hoa (getting smallpox) from Jesuit father Alexandre de Rhodes published works in 1651 such as Dictionarium Annamiticum Lusitanum et Latinum and Phép Giảng Tám Ngày (a catechism). Special consideration is provided for allomorphs of năm as lăm, lòng as nòng in explaining alternation of n and l - not a rare occurrence in Southern Chinese languages, Korean and Vietnamese. There are historical evidences of n-l alternation such as nang > lang in tân lang 檳榔 (betel, bīn láng according to pinyin), this compound noun comes from Malaysian etymon pinang with the same meaning. Other diachronic examples are nên ... tuổi > lên ... tuổi (turning ... years old), noãn 卵 (egg) instead of *loãn, loại 類 (class, kind) producing the form nòi (l > n, race is an extended meaning), thăm nom ~ thăm lom (look after), nòng súng < lòng súng (gun barrel), etc.

THE 5TH INTERNATIONAL CONFERENCE OF VIETNAMESE STUDIES

Key words: alternation n and l, allomorph, diachronic analysis, dialects, Sino-Vietnamese

DẠY KỸ NĂNG VIẾT TIẾNG VIỆT THEO QUAN ĐIỂM TƯƠNG TÁC

TS. Nguyễn Hoàng Phương

Khoa Việt Nam học, ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM

nguyenhoangphuong@hcmussh.edu.vn

Tóm tắt

Nhiều hình thức giao tiếp trước đây được cho là một chiều như sách, truyền hình... đã trở nên tương tác với sự phát triển của máy tính, Internet, các thiết bị kỹ thuật số, di động. Công nghệ phát triển và các phương tiện truyền thông mới đã làm tăng nhanh chóng cơ hội giao tiếp tương tác giữa các phương tiện, ngành học, nền văn hóa, tầng lớp xã hội, địa điểm, thậm chí cả thời gian. Các hình thức giao tiếp tương tác bao hàm đối thoại cơ bản và giao tiếp phi ngôn ngữ, chuyện kể tương tác, siêu văn bản, truyền hình tương tác, phương tiện truyền thông xã hội, tương tác thực tế ảo, giao diện vô hình... Riêng đối với viết, từ năm 1986, Porter đã cho rằng bản chất của viết càng ngày càng được coi là vốn có tính tương tác và xã hội. Ngày nay, các nhà lý luận viết nhận ra rằng việc viết không chỉ là tạo ra, tổ chức và chuyển ý tưởng thành văn bản mà mỗi hành động viết là một giai đoạn tương tác. Vì thế, chúng tôi tìm hiểu vận dụng dạy kỹ năng viết tiếng Việt cho học viên nước ngoài theo quan điểm tương tác. Chúng tôi làm rõ khái niệm viết tương tác, tìm hiểu các kỹ thuật dạy viết tương tác tiếng Việt, các tiêu chí đánh giá kỹ năng viết tương tác của học viên nước ngoài để sử dụng trong quá trình dạy học cũng như trong kiểm tra, đánh giá. Kết quả thu được có thể làm cơ sở để xây dựng giáo trình viết tương tác tiếng Việt cho người nước ngoài cũng như tiêu chuẩn đánh giá đề thi năng lực viết tiếng Việt.

Từ khóa: tương tác, giao tiếp tương tác, viết tương tác, kỹ thuật dạy viết tương tác, tiêu chí tương tác cho hoạt động viết

Teaching Vietnamese writing skills with interactive perspectives

Abstract

Interactive communication is a modern term, a key feature of the current information age. Many forms of communication that were previously thought to be one-way, such as books and television, have become interactive with the growth of computers, Internet, digital and mobile devices. Developing technology and new media have rapidly increased the opportunities for interactive communication across media, disciplines, cultures, social classes, places and even times. Interactive forms of communication include basic dialogue and nonverbal communication, game books, novels - interactive narratives, hypertexts, television - interactive movies, video sharing, video games, social media, marketing and public relations, augmented reality, ambient intelligence and virtual reality. Particularly for writing, since 1986,

Porter has argued that writing, in all languages, is increasingly perceived as inherently social and interactive. Nowadays, writing theorists realize that writing involves more than just creating, organizing, and translating ideas into texts. Basically, each act of writing is an interactive phase, ideally manifesting as intertextuality. With the practices above, in this article, we research the application of interactive point of view into teaching Vietnamese writing skills for foreign students. Within this research, we clarify the concept of interactive writing, criteria for writing to be interactive, and propose techniques for teaching interactive Vietnamese writing. The obtained results have the potential to become the basis for the development of a set of interactive Vietnamese writing textbooks for foreigners as well as a set of criteria for assessing the interactive Vietnamese writing competency tests.

Keywords: interactive, interactive communication, interactive writing, interactive writing techniques, interaction criteria for writing activities

NGÔN NGỮ NGỮ HỌC VÀ DẠY NGÔN NGỮ

TS. Nguyễn Hoàng Trung

Khoa Ngôn ngữ học, ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM

nghoang.trung@gmail.com

Tóm tắt

Ngôn ngữ học là ngành nghiên cứu ngôn ngữ, và do đó có vai trò quan trọng với các giáo viên dạy ngôn ngữ hay nói đơn giản là dạy tiếng. Ngôn ngữ học cung cấp cho họ các khái niệm công cụ để giải thích nhiều vấn đề liên quan trọng việc dạy tiếng, qua đó giúp họ chuyển tải đầy đủ và chính xác nội dung mà học đang giảng dạy.

Từ khóa: ngôn ngữ học, dạy ngôn ngữ, khái niệm công cụ

Abstract

Linguistics is the study of languages, and as such, is of great importance to language teachers. Linguistics helps teachers understand linguistic concepts used to precisely explain words or constructions in the language they are teaching and its usages, and whereby fully convey what to be taught in a language.

Keywords: linguistics, language teaching, concepts

NGŨ PHÁP VÀ NGŨ NGHĨA CỦA TỪ "CHO"

TS. Nguyễn Huỳnh Lâm

Khoa Việt Nam học, ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM

nguyenuynglam@hcmussh.edu.vn

Tóm tắt

CHO là một từ được sử dụng rất phổ biến. Nó thường xuất hiện với chức năng của vị từ và giới từ. Như những giới từ mục đích khác, giới từ CHO có nguồn gốc từ vị từ. Trong một số trường hợp, ranh giới giữa hai chức năng này khá mờ nhạt khiến cho người nước ngoài sử dụng tiếng Việt bối rối trong cách dùng từ này.

Bằng việc khảo sát ngữ liệu cho chứa từ CHO, chúng tôi cố gắng truy tìm nguyên nhân tạo ra sự không rõ ràng này nhằm đưa ra những kết luận cụ thể, giúp cho việc giảng dạy tiếng Việt như một ngôn ngữ thứ hai được hiệu quả hơn.

Từ khóa: cho, vị từ, giới từ, vai tiếp nhận, vai hưởng lợi

Abstract

Cho is a very commonly used word. It usually functions as a predicate and a preposition. Like other purpose prepositions, CHO is derived from predicates. In some cases, the line between these functions is blurred making it easier for foreigners learning Vietnamese to make mistakes and misunderstand how to use this word.

By examining data containing the word CHO, we try to find the cause of the ambiguity in order to draw concrete conclusions. In this way, we can facilitate more effective teaching of Vietnamese as a second language.

Key words: cho, preposition, predicate, beneficiary

**PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY THEO NỘI DUNG (CBI) –
CÁCH TIẾP CẬN GIẢNG DẠY TIẾNG VIỆT
CHO SINH VIÊN NGƯỜI MỸ GỐC VIỆT TRÌNH ĐỘ CAO CẤP
(TRƯỜNG HỢP ĐẠI HỌC WASHINGTON – SEATTLE – HOA KỲ)**

TS. Nguyễn Kim Yến

Department of Asian Languages and Literature - University of Washington

nkimyen@uw.edu

Tóm tắt

Sinh viên người Mỹ gốc Việt là những người được sinh ra trong gia đình có bố mẹ là người Việt nên tiếng Việt được coi là ngôn ngữ thứ nhất hay tiếng mẹ đẻ. Tuy nhiên, do nhu cầu giao tiếp trong cuộc sống hàng ngày, tiếng Anh Mỹ đã ảnh hưởng đến sự phát triển tiếng mẹ đẻ. Khi vào đại học, các sinh viên này đều có được trình độ tiếng Anh như người bản ngữ và chọn học tiếng Việt như ngôn ngữ thứ hai.

Các sinh viên năm thứ ba đều có động lực học tập rất cao vì muốn phát triển và hoàn thiện tiếng mẹ đẻ của mình. Các khóa học tiếng Việt cao cấp cho năm thứ ba cần được thiết kế để giúp người học nâng cao các kỹ năng ngôn ngữ và cung cấp những kiến thức sâu hơn về lịch sử, văn hóa, xã hội Việt Nam.

“Content-based instruction (CBI)” là phương pháp giảng dạy ngoại ngữ theo nội dung (kiến thức), lấy kiến thức làm trọng tâm và ngoại ngữ trở thành phương tiện để tiếp cận những kiến thức đó. Với phương pháp này, giáo viên sẽ tạo ra một môi trường ngôn ngữ tự nhiên giúp sinh viên tiếp cận được với những kiến thức sâu sắc về lịch sử, văn hóa cũng như cuộc sống và xã hội đương thời ở Việt Nam, đồng thời các kỹ năng ngôn ngữ cũng sẽ đạt đến trình độ tương đương bậc C1.

Bài viết của tôi sẽ nói về đặc điểm thụ đắc tiếng Việt của các sinh viên người Mỹ gốc Việt và cách ứng dụng CBI vào việc giảng dạy cho đối tượng sinh viên này ở trình độ cao cấp.

Abstract

Vietnamese-American students or Vietnamese heritage students in America are unique Vietnamese learners. They are children who were born to Vietnamese parents. Based solely on the order of acquisition, Vietnamese is their first language and their mother tongue. However, due to the need for communication in daily life, children became more fluent in English than in their mother tongue. Acquiring Vietnamese became challenging, requiring a great deal of effort to reach the same level of proficiency as in English. By the time these students enter university, they had obtained native-speaker ability in English and learned Vietnamese as a second language.

THE 5TH INTERNATIONAL CONFERENCE OF VIETNAMESE STUDIES

Students must have achieved a Vietnamese language proficiency equivalent to level B2 (according to the framework for assessing Vietnamese language ability for foreigners in Vietnam) when joining an advanced Vietnamese course. Most students are highly motivated to learn Vietnamese since they want to develop and perfect their mother tongue. It is vital to design a syllabus to improve their listening, speaking, reading, and writing skills and provide in-depth knowledge of Vietnamese history, culture, and society.

“Content-based instruction” is a method of teaching foreign languages based on content (or knowledge). The knowledge is taken as the focus, and the language becomes a means to access that knowledge. The instructor can create a natural language environment to help students access new knowledge beyond the curriculum learned at lower levels by applying this method. Students will become familiar with history, culture, and the vibrant society in today’s Vietnam, while language skills will also reach a level equivalent to C1.

My article will analyze Vietnamese language acquisition by the advanced heritage students as illustrated by my advanced classes at the University of Washington and apply CBI in teaching Vietnamese to the heritage students at an advanced level.

**TÌM HIỂU NGŨ NGHĨA CỦA CÁC TỪ LÁY ĐÔI TRONG TIẾNG VIỆT
CÓ CẶP VẦN “-ON” – “-EN”**

GS. TS. Nguyễn Thị Hai

Đại học Công nghệ Đồng Nai

hainguyenthi.68@gmail.com

Tóm tắt

Từ láy là một kiểu từ được cấu tạo đặc biệt trong tiếng Việt. Về mặt ngữ nghĩa nó có khả năng gợi âm thanh, hình ảnh và biểu cảm. Song việc nắm bắt ngữ nghĩa của nó không dễ, vì cấu trúc nghĩa của nó rất mơ hồ, không rõ ràng.

Bài viết này chỉ đi vào một kiểu nhỏ của từ láy đôi, loại từ láy điển hình. Dựa vào ngữ cảnh chúng tôi cố gắng phân tích nghĩa của từng từ, nhằm phát hiện mô hình ngữ nghĩa của nhóm từ láy đôi này. Bài viết này cũng hướng tới việc đưa ra những gợi ý về việc giảng dạy từ láy nói chung, và nhóm từ láy này nói riêng cho các học viên nước ngoài muốn tiếp xúc với tiếng Việt.

Abstract

Duplicative words in Vietnamese are the ones in special combination. From the semantic perspective, they can create the sound, the images and the expression. However, it is very difficult to master their semantics because their structures are very ambiguous and unclear.

This article merely focuses on one style of duplicative words (typical ones). From the context, we make an effort to analyse the semantics of every word in order to find out the semantic pattern of these duplicative words. In addition, we make some suggestions of teaching the duplicative words in general and the double duplicative ones in particular to foreign learners who have a strong desire for learning Vietnamese.

**PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY TIẾNG VIỆT
CHO TRẺ EM NƯỚC NGOÀI
(KHẢO SÁT TRẺ EM HÀN QUỐC TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH)**

HVCH. Nguyễn Thị Kim Bích

Trung tâm ngoại ngữ Gotoviki

kimbichgotoviki@gmail.com

Tóm tắt

Hiện nay, xu thế hội nhập và toàn cầu hóa là cơ hội để các quốc gia ngày càng xích lại gần nhau hơn. Trong thời gian qua, nhiều nước trên thế giới như Hàn Quốc, Đài Loan, Nhật Bản... đã đến hợp tác, đầu tư trên nhiều lĩnh vực và phát triển cộng đồng của họ tại Việt Nam. Mang tư tưởng sinh sống và làm việc ở nước ngoài, nhiều phụ huynh nước ngoài tại Việt Nam mong muốn con cái mình thành thạo tiếng Việt để giúp ích trong công việc, học tập và cuộc sống hàng ngày. Ngoài ra, còn có những bậc cha mẹ Việt Nam đang sinh sống trên khắp thế giới cũng muốn cho con cái biết về “ngôn ngữ di sản” của mình từ lúc còn ấu thơ để giữ được cội nguồn dân tộc nên cho con học tiếng Việt từ rất sớm. Từ đó, việc dạy và học tiếng Việt cho trẻ em trở thành nhu cầu cần thiết. Tuy nhiên, nó vẫn chưa được quan tâm đúng mức, chưa tìm ra được phương pháp phù hợp để dạy cho thật tốt.

Từ khóa: Cung cấp, phương pháp giảng dạy tiếng Việt, trẻ em nước ngoài, hiệu quả

Abstract

Currently, the trend of integration and globalization is an opportunity for countries to get closer and closer together. In recent years, many countries around the world such as Korea, Taiwan, Japan... have come to cooperate, invest in many fields and develop their communities in Vietnam. With the idea of living and working abroad, many foreign parents in Vietnam want their children to be fluent in Vietnamese to help them in work, study, and daily life. In addition, Vietnamese parents are living around the world who also want to let their children know about their "heritage language" from an early age to keep the ethnic roots so that they let their children learn Vietnamese. Since then, teaching and learning Vietnamese for children have become a necessity. However, it has not been given due attention, and a suitable method has not been found to teach it well.

Keywords: To provide; methods of teaching Vietnamese; foreign children; effective

NGUYÊN ÂM "A" TRONG THỔ NGŨ SƠN TỊNH, QUẢNG NGÃI

ThS. Nguyễn Thị Thanh Truyền

Khoa Việt Nam học, ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM

thanhtruyen.ngonngu@gmail.com

Tóm tắt

Bài viết trình bày một vấn đề liên quan đến phương ngữ, đó là đặc điểm của nguyên âm “a” trong thổ ngữ Sơn Tịnh-Quảng Ngãi. Chúng tôi gọi đây là thổ ngữ vì ngữ âm nơi đây có một số đặc điểm khác biệt so với tiếng Quảng Ngãi. Trong thổ ngữ Sơn Tịnh, cùng một nguyên âm nhưng khi kết hợp với âm cuối khác nhau sẽ có những biến thể ngữ âm khác nhau. Trong phạm vi của bài viết chúng tôi chỉ đề cập đến nguyên âm “a”, một nguyên âm tiêu biểu góp phần làm nên những khác biệt về mặt ngữ âm của thổ ngữ Sơn Tịnh với tiếng Quảng Ngãi và tiếng Việt toàn dân.

Từ khóa: Sơn Tịnh, phương ngữ, thổ ngữ, âm chính, nguyên âm, biến thể, âm cuối, ngữ âm

Abstract

This paper reported a problem related dialects, which are the vowel “a” of Son Tinh - Quang Ngai. We called “local dialect” as its phonetics is somewhat different from Quang Ngai dialect’s. In the local dialect of Son Tinh, with the same vowel but when combined with different consonants, it will produce different phonetics variations. In this paper we just report on the vowel “a”, a typical vowels contributing to the differences in the phonetics of Son Tinh local dialect compare with Vietnamese language.

Keywords: Son Tinh, dialect, local dialect, main vowel, vowel, variantion, final consonant, semi - consonant, phonetic

**BÀN VỀ VIỆC XÁC ĐỊNH TRỌNG ÂM TỪ VỤNG,
TRỌNG ÂM NGỮ ĐOẠN TRONG TIẾNG VIỆT**

ThS. Nguyễn Trần Quý

Khoa Việt Nam học, ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM

tranquynguyen2007@gmail.com

Tóm tắt

Bàn về trọng âm từ vựng trong tiếng Việt, có một số ý kiến khác nhau. Tác giả Emeneau cho rằng không có trọng âm trong tiếng Việt. Nhưng tác giả Cao Xuân Hạo quan niệm rằng tiếng Việt có trọng âm và nêu rõ trọng âm có các loại như trọng âm logic, trọng âm ngữ đoạn, trọng âm từ vựng và trọng âm đánh dấu ngữ pháp. Với mục đích tìm hiểu trọng âm từ vựng tiếng Việt, chúng tôi kiểm tra lại các mô hình trọng âm bằng ngữ âm thực nghiệm và các thủ pháp thống kê. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi trên các mẫu quan sát cho thấy trọng âm từ vựng chưa thể hiện rõ vì chưa đáp ứng sự nổi trội ở cả ba tiêu chí: cao độ, trường độ và cường độ. Chỉ có yếu tố trường độ âm tiết đáng chú ý vì ở vị trí cuối ngữ đoạn, trường độ âm tiết sẽ lớn hơn so với vị trí khác. Câu hỏi có hay không có trọng âm từ vựng tiếng Việt sẽ dần được trả lời một cách thuyết phục hơn nhờ có thêm nhiều công trình ngữ âm thực nghiệm với số lượng mẫu cao hơn và được khảo sát ở các phương ngữ khác nhau.

Từ khóa: trọng âm, trọng âm từ, âm tiết, cao độ, cường độ, trường độ

Abstract

Regarding lexical stress in Vietnamese, there are a number of different opinions. Emeneau believes that there is no stress in Vietnamese. But Cao Xuan Hao believes that Vietnamese has stress and clearly states that there are different types of stress such as logical stress, paragraph stress, lexical stress, and grammatical stress. For the purpose of learning Vietnamese vocabulary stress, we re-examined stress models using experimental phonetics and statistical methods. The results of our study on the observed samples show that the lexical stress is not clearly expressed because it has not met the predominance in all three criteria: pitch, duration and intensity. Only the syllable length factor is noticeable because at the end of the paragraph, the syllable length will be larger than elsewhere. The question of whether or not Vietnamese vocabulary is stressed will gradually be answered more convincingly thanks to more experimental phonetic works with a higher number of samples and surveys in different dialects.

Keywords: stress, word stress, syllable, pitch, intensity, duration

NGŨ PHÁP, NGŨ NGHĨA CỦA ‘LÀM’

TS. Nguyễn Văn Phở

Khoa Việt Nam học, ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM

nguyenvanpho@hcmussh.edu.vn

Tóm tắt

“Làm” là một vị từ đáng quan tâm nghiên cứu trong tiếng Việt, vì nó có tần số sử dụng cao và xuất hiện trong những bối cảnh rất đa dạng. Nó có thể hoạt động như một thứ đại vị từ hoặc vị từ nguyên sinh: nó được dùng để miêu tả những hành động, quá trình vốn được diễn đạt bằng nhiều vị từ khác. Ngoài ra, theo nhiều nhà nghiên cứu, nó còn tham gia vào kết cấu gây khiến.

Trong khuôn khổ bài này, chúng tôi chỉ thảo luận về cấu trúc tham tố của “làm” cùng với những đặc trưng ngữ pháp của nó, những vấn đề liên quan đến cấu trúc gây khiến chưa được bàn đến.

Từ khóa: làm, cấu trúc tham tố, vai nghĩa, chuyển tác, vô tác

Abstract

“Làm” is a noteworthy predicate in Vietnamese, because it has a high frequency of use and appears in a variety of contexts. It can act as a macro verb or a primitive verb: it is used to describe actions and processes that are expressed by many other predicates. In addition, according to many researchers, it is also involved in causative structures.

In the framework of this article, we only discuss about the argument structure of “làm” and its grammatical features, the issues related to the causative structure have not been discussed.

Keywords: làm, arguments, semantic roles, transitivity, intransitivity

**SO SÁNH CẤU TRÚC NGỮ ĐỘNG TỪ TIẾNG VIỆT
VỚI CẤU TRÚC NGỮ ĐỘNG TỪ TIẾNG HÀN**

ThS. Phan Thanh Tâm

ThS. Ngô Hải Uyên

Khoa Việt Nam học, ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM

phanthanhtam@hcmussh.edu.vn

Tóm tắt

Bài viết này trình bày đặc điểm cấu tạo, vai trò và chức năng, mô hình cấu tạo chung và vị trí của từng thành tố trong cấu trúc của ngữ động từ tiếng Việt và tiếng Hàn, từ đó chỉ ra những điểm giống nhau và khác nhau giữa ngữ động từ tiếng Việt với ngữ động từ tiếng Hàn. Ngoài ra, bài viết cũng cho thấy vai trò khá quan trọng của trật tự từ trong việc cấu tạo nên ngữ động từ tiếng Việt và tiếng Hàn. Nếu trật tự từ trước sau trong ngữ động từ bị thay đổi thì sẽ làm cho ngữ động từ thay đổi ngữ nghĩa hoặc trở nên vô nghĩa. Kết quả của bài viết này hy vọng giúp được phần nào cho các học viên người Hàn Quốc trong quá trình học tiếng Việt được dễ dàng và hiệu quả hơn.

Từ khóa: tiếng Việt, tiếng Hàn, động từ, ngữ động từ, thành tố

Abstract

This article presents about the structural features, roles and functions, general structure model and position of each element in the structure of Vietnamese phrasal verbs and Korean phrasal verbs, to define the similarities and differences points between Vietnamese phrasal verbs and Korean phrasal verbs. In addition, it also indicates the rather important role of word order in creating Vietnamese phrasal verbs and Korean phrasal verbs. The order of words before and after in the phrasal verbs is changed, then it will make phrasal verbs to change its meaning or become meaningless. The results of this article will hopefully contribute to helping Korean learners in the process of approaching and learning Vietnamese easier and more effectively.

Keywords: Vietnamese, Korean, verbs, phrasal verbs, elements

QUÁ TRÌNH BIẾN ĐỔI HỆ THỐNG VẦN
TRONG PHƯƠNG NGỮ NAM BỘ
TỪ THẾ KỈ 19 ĐẾN THẾ KỈ 20 QUA CÚ LIỆU NÔM

PGS. TS. SHIMIZU Masaaki

Khoa Nghiên cứu Ngôn ngữ Văn hóa, Đại học Osaka 大阪大学大学院

言語文化研究科言語社会専攻 (ベトナム語部会)

qingshui2018@gmail.com

Tóm tắt

Bài viết này nhằm mục đích làm sáng tỏ một phần của quá trình hình thành hệ thống vần trong phương ngữ Nam Bộ bằng cách phân tích phân biểu âm của cú liệu chữ Nôm trong 2 tác phẩm được xuất bản vào thế kỉ 19 và thế kỉ 20. Kết quả phân tích cho thấy quá trình biến đổi $-n/t > -ŋ/k$ chưa được hoàn thành vào thế kỉ 19, sang thế kỉ 20 thì mới hoàn thành. Theo giả thuyết của chúng tôi về quá trình hình thành hệ thống vần trong phương ngữ Nam Bộ, quá trình biến đổi $-n/t > -ŋ/k$ có thể được coi là đã bắt nguồn cho các quá trình biến đổi khác trong phương ngữ Nam Bộ. Điều đó có nghĩa là sự khác nhau trong đặc trưng của hệ thống vần trong phương ngữ Nam Bộ khác với phương ngữ Bắc Bộ hầu như đã được hình thành chỉ trong một thế kỉ từ thế kỉ 19 đến thế kỉ 20. Kết quả này cũng tương tự như trong tiếng Triều Châu ở Swatow, Trung Quốc.

Từ khóa: Phương ngữ Nam Bộ, hệ thống vần, chữ Nôm, Lục Vân Tiên, Phật Thuyết Thiên Địa Bát Dương Kinh

Abstract

This study analyzes Nôm materials compiled from the 19th century to see how grammatological consideration of Nôm materials can contribute to the historical study of Vietnamese dialects, especially Southern Vietnamese. The materials used here are the manuscript of the Sino-Vietnamese version of Phật Thuyết Thiên Địa Bát Dương Kinh, and the woodprint version of Lục Vân Tiên Truyện. We trace back the process of the merger between coronal and velar syllable-codas reflected in the Nôm materials to point out that the time range of the merger is around one century, from the 19th century to the 20th century.

Keywords: Nôm characters, Southern dialect of Vietnamese, Phật Thuyết Thiên Địa Bát Dương Kinh, Lục Vân Tiên Truyện, Thi Vận Tập Yếu

**TEACHING VIETNAMESE AS A FOREIGN LANGUAGE ONLINE:
CHALLENGES AND POTENTIALS (ONLINE SURVEY TAKEN
FROM ONLINE VIETNAMESE CLASSES IN USSH-VNU AND TDC
FROM 2020 TO 2021)**

ThS. Trần Thị Minh Thu

Khoa Ngôn ngữ học, ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM

minhthutt@hcmussh.edu.vn

Tóm tắt

Bài viết tập trung miêu tả các dữ liệu thu thập từ cuộc khảo sát việc dạy và học tiếng Việt cho học viên nước ngoài trực tuyến. Từ đó, đưa ra các thảo luận về thách thức và tiềm năng của việc giảng dạy tiếng Việt trực tuyến trong thời gian sắp tới. Dữ liệu được thu thập từ việc khảo sát các lớp học tiếng Việt trực tuyến dành cho học viên nước ngoài được thực hiện ở Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn và Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức trong các khoảng thời gian giãn cách xã hội từ tháng 2 năm 2020 đến tháng 9 năm 2021 do hệ quả của đại dịch COVID-19.

Từ khóa: dạy và học tiếng Việt, trực tuyến, phương pháp dạy và học, học trực tuyến

Abstract

The article focuses on describing data collected from a survey of teaching and learning Vietnamese for foreign learners online. Then, it discusses challenges and potentials of teaching and learning Vietnamese online in the near future. The materials of this online survey have been collected from online Vietnamese classes conducted at the University of Social Sciences and Humanities and Thu Duc College of Technology during social distancing periods from February 2020 to September 2021 as an unexpected effect of the COVID-19 pandemic.

Keywords: teaching and learning Vietnamese, online, teaching and learning methods, digital learning

**VẤN ĐỀ LỰA CHỌN NGŨ LIỆU
TRONG LĨNH VỰC DẠY TIẾNG VIỆT CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI**

TS. Trần Trọng Nghĩa

Khoa Việt Nam học, ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM

trantrongnghia@hcmussh.edu.vn

Tóm tắt

Không tồn tại một cuốn giáo trình nào đó có thể đáp ứng được tất cả các nhu cầu của sinh viên. Bởi lẽ những nhu cầu này vô cùng đa dạng và thay đổi theo thời gian cùng với tiến độ của việc học. Thực tế, trong hoạt động dạy tiếng Việt, các nhà giáo luôn phải làm công tác lựa chọn ngữ liệu để bổ sung cho lớp học, để biên soạn tài liệu giảng dạy hay quy mô cao hơn là để biên soạn các giáo trình. Vấn đề đặt ra là công việc này nên được thực hiện như thế nào? Ngữ liệu nào được ưu tiên lựa chọn và dựa trên những tiêu chí gì để lựa chọn cho phù hợp? Với vai trò là một giáo viên dạy tiếng Việt, vấn đề này cũng luôn thôi thúc, khiến chúng đi tìm kiếm câu trả lời cho thỏa đáng. Bài viết này thảo luận về tầm quan trọng của việc lựa chọn ngữ liệu, xác định hướng đi, đồng thời đề xuất một số tiêu chí lựa chọn và phát triển ngữ liệu tiếng Việt để phục vụ cho việc dạy và học tiếng Việt cho người nước ngoài.

Từ khóa: lựa chọn ngữ liệu, ngữ liệu nguyên mẫu, ngữ liệu đã qua xử lý, phương pháp giao tiếp tương tác

Abstract

In fact, in Vietnamese teaching activities, teachers always have to do the work of selecting materials to supplement the class, to compile teaching materials or to compile textbooks on a larger scale. The question is how should this work be done? Which corpus is prioritized for selection and based on what criteria to choose accordingly? As a Vietnamese language teacher, this problem is always motivating, causing us to search for satisfactory answers. This article discusses the importance, some methods of selecting and developing Vietnamese corpus, and recommends some specific steps in selecting and developing corpus for teaching and learning Vietnamese language for foreigners.

Keywords: selection of language materials, authentic materials, non-authentic materials, interactive communication approach

TIỂU BAN 2: VĂN HÓA – VĂN HỌC

**DẤU ẤN TÂM LINH TRONG THƠ THA HƯƠNG
TỪ ĐẦU THẾ KỈ XVIII – CUỐI THẾ KỈ XIX**

NCS. Đàm Thị Thu Hương

Khoa Ngữ văn, ĐH Sư phạm TP.HCM

huongdtth@hcmue.edu.vn

Tóm tắt

Thơ tha hương là mảnh ghép bị khuyết trên bức tranh nghiên cứu chung của văn chương trung đại, trong khi đó đề tài này xuất hiện khá tập trung ở hầu khắp các tác giả và xuyên suốt mọi giai đoạn phát triển, đặc biệt trong giai đoạn hậu kì trung đại (đầu thế kỉ XVIII – cuối thế kỉ XIX). Ở mảng thơ này, chúng ta sẽ được diện kiến một gương mặt mới trong bức chân dung tinh thần của nhà thơ, một thế giới phức tạp và đa tầng từ những xung đột bên trong giữa việc rời xa nguồn cội và mong muốn được trở về đến cháy bỏng. Và một trong những con đường khơi mở vào nội tâm sâu kín đó của các nhà thơ, những lữ khách tha hương chính là từ cánh cửa tâm linh. Một không gian tâm linh với nhiều trăn trở về thân phận và kiếp người, những trải nghiệm về sự rạn nứt, mất mát về tinh thần cũng như những giấc mơ tìm về cội nguồn đến khắc khoải là những khía cạnh mà người viết sẽ trình bày trong bài nghiên cứu này.

Từ khóa: Tha hương, tâm linh, thơ tha hương, hậu kì trung đại (giai đoạn đầu thế kỉ XVIII – cuối thế kỉ XIX)

Abstract

Poetry of exile is a missing piece on the general research picture of medieval literature, though this topic appeared concentratively in almost all authors' work and throughout all stages of development, especially in the period late Middle Ages (the early of 18th century to the late of 19th century). In this type of poetry, we will meet a new face in the spiritual portrait of man in medieval poetry, a complex and multi-layered world from the inner conflicts between separation from one's homeland and the burning desire to return. One of the ways to open up the poets' inner world is from the spiritual door. The spiritual space with many concerns about human condition, experiences of mental fractures and losses as well as anxious dreams of returning to the motherland are all aspects that the writer will show in this study.

THE 5TH INTERNATIONAL CONFERENCE OF VIETNAMESE STUDIES

Key words: Exile, spirituality, exile poetry, late Middle Ages (the early of 18th century to the late of 19th century)

**LÀM BÁO NHƯ LÀ HÀNH TRÌNH THỰC HÀNH
VÀ PHỔ BIẾN CHỮ QUỐC NGỮ Ở VIỆT NAM ĐẦU THẾ KỶ XX:
NGUYỄN VĂN VĨNH TRÊN ĐĂNG CỔ TÙNG BÁO**

NCS. Đào Hải Thanh

ThS. Vũ Thanh Loan

Viện Văn học

haithanhvvh@gmail.com

Tóm tắt

Đăng cổ tùng báo (1907) là một trong những tờ báo song ngữ đầu tiên ở miền Bắc. Chủ trương cổ vũ “người An Nam nên viết chữ An Nam”, nội dung của tờ báo đã hướng tới nhiều hoạt động đưa chữ quốc ngữ trở nên phổ biến hơn với các tầng lớp độc giả hồi đầu thế kỷ XX. Thông qua việc tìm hiểu nội dung những hoạt động này, chúng tôi mong muốn góp phần khẳng định vai trò, tầm quan trọng của Đăng cổ tùng báo và những đóng góp của Nguyễn Văn Vĩnh với báo chí quốc ngữ đầu thế kỷ XX cũng như đối với tiến trình hình thành, phát triển của văn học tiếng Việt buổi giao thời.

Từ khóa: Đăng cổ tùng báo, Nguyễn Văn Vĩnh, Báo chí quốc ngữ, văn học Việt Nam đầu thế kỷ XX

Abstract

Dang co tung bao (1907) was one of the first bilingual newspapers in the North of Vietnam. With the advocacy of encouraging “Annam people should write Annam script”, the newspaper content aimed at many activities to make the national language script become more popular with all classes of readers in the early 20th century. According to analyzing the content of these activities, our wish is to affirm the role and importance of Dang co tung bao and Nguyen Van Vinh’s contributions to the national language press in the early 20th century as well as the process of formation and development of Vietnamese literature in the transition period.

Keywords: Dang co tung bao, Nguyen Van Vinh, the national language press in the early 20th century, Vietnamese literature in the early 20th century

**CÁC SÁCH ĐỊA LÝ THẾ GIỚI BẰNG HÁN VĂN THỜI MINH THANH
(TRUNG QUỐC) VÀ PHONG TRÀO KHAI SÁNG Ở VIỆT NAM
NỬA CUỐI THẾ KỶ XIX**

PGS. TS. Đoàn Lê Giang

Khoa Việt Nam học, ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM

giangdoanle@hcmussh.edu.vn

Tóm tắt

Từ thế kỷ XVI các nước phương Tây bắt đầu mở rộng thế lực đến phương Đông. Theo tàu buôn của các công ty Đông Ấn, các nhà truyền giáo cũng đã đặt chân đến vùng Viễn Đông xa xôi. Cùng với Kinh Thánh, họ mang đến đây các tri thức khoa học phương Tây trong đó có sách địa lý thế giới như: Khôn dư đồ thuyết, Chức phương ngoại kỷ, Hàng hải kim châm... Nhờ thế mà người vùng Viễn Đông mới bắt đầu biết đến thế giới năm châu. Từ các tri thức địa lý ấy, người Trung Quốc cũng soạn ra các sách về địa lý thế giới như: Đông Tây dương khảo, Doanh hoàn chí lược, Hải quốc đồ chí... Các sách ấy được đón nhận nồng nhiệt ở các nước trong khu vực, trong đó có Việt Nam như là một phần của tri thức khai sáng. Việc tìm hiểu nhóm thư tịch này giúp cho chúng ta hiểu thêm về một phần của lịch sử khai sáng Đông Á, đồng thời cũng hiểu thêm về cách tiếp nhận có phê phán của các nho sĩ canh tân Việt Nam đối với các sách địa lý thế giới, nhất là sách của các học giả Trung Quốc.

Từ khóa: sách địa lý thế giới bằng Hán văn, phong trào khai sáng, tân thư khai sáng, Khôn dư đồ thuyết

**Sino-charactered compositions of the world's geography
in the Ming-Qing period (China) and the enlightenment movement
in Vietnam in the late nineteenth century**

Abstract

During the eastward expansion of Western Europe since the sixteenth century, many Christian missionaries arrived in the Far East with the help of East Indian merchant ships. Besides the Bible, they brought to China many Western scientific knowledge, including their geographical compositions of the world such as 坤輿圖說 Kunyu Tushuo / Illustrated Treatise of the Geography of the World, 職方外紀 Zhifang Waiji / Record of Places Outside the Known World, 航海金針 Hanghae Kinchin / Navigators' Golden Needle, etc. Attaining knowledge from these

THE 5TH INTERNATIONAL CONFERENCE OF VIETNAMESE STUDIES

books, Chinese scholars produced their own compositions about the world's geography such as 東西洋考 Dong-Xiyang Kao / Account of the Eastern and Western Oceans, 瀛寰誌略 Yinghuan Zhilue / A Brief Description of the World, and 海國圖志 Haiguo Tuzhi / Illustrated Treatise on Maritime Kingdoms. These Chinese documents were widely appreciated in neighboring countries, including Vietnam, as components of the Enlightenment knowledge. Studying these documents helps to expand our understanding of the Enlightenment history in East Asia and how critically Vietnamese innovative scholars received the knowledge about the world's geography, especially that from the compositions by Chinese scholars.

Keywords: Sino-charactered compositions, world's geography, Enlightenment movement, Enlightenment new letters, 坤輿圖說 Kunyu Tushuo

**SỬ THI NGƯỜI STIÊNG –
NHÌN TỪ MỐI QUAN HỆ FOLKLORE VÀ NHÂN HỌC**

NCS. Hà Thị Thới

Khoa Văn học, ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM

missthoi.folklore@gmail.com

Tóm tắt

Trong kho tàng sử thi sống của Việt Nam, sử thi tộc người Stiêng mang một vẻ đẹp riêng biệt về tình yêu, cách ứng xử, văn hóa phong tục. Tuy nhiên, do đặc tính khép kín của người Stiêng nên sử thi được sưu tầm, biên dịch chỉ là số ít trong vốn tài sản quý folklore của tộc người. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi tiến hành nghiên cứu về sử thi Stiêng theo hướng tiếp cận liên ngành folklore học và nhân học với công cụ là phương pháp ngữ văn học và phương pháp văn hóa – xã hội học dựa trên lý thuyết bối cảnh để chỉ ra sự tác động qua lại giữa folklore và nhân học đối với thực thể nghiên cứu là sử thi người Stiêng. Từ kết quả tác động của mối quan hệ, người viết đề xuất giải pháp bảo tồn, nuôi dưỡng sử thi người Stiêng theo lý thuyết nhân học du lịch.

Từ khóa: sử thi, người Stiêng, folklore, nhân học, nhân học du lịch

Epics of the Stieng – Study from the relationship of folklore and anthropology

Abstract

In the treasure of living epics of Vietnamese, the epics of the Stieng people have a distinct beauty about love, behaviour, culture and customs. However, due to the closed nature of the Stieng, the searched - collected and translated epics are only a few in the ethnic group folklore's precious assets. Within this article's scope, we research the Stieng epics in the direction of interdisciplinary folklore and anthropological approaches with the tools of philological and sociocultural methods based on context theory to show the interplay between folklore and anthropology on the research entity is the Stieng epics. From the impact of the relationship, the writer proposes a method of preserving and nurturing the epics of the Stieng according to the tourism anthropology theory.

Keywords: epics, the Stieng, folklore, anthropology, anthropology of tourism

LỊCH SỬ NGHIÊN CỨU CA DAO DÂN CA NAM BỘ
TỪ NGUỒN TÀI LIỆU SƯU TẦM TRƯỚC 1975

TS. La Mai Thi Gia

Khoa Văn học, ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM

thigialm@hcmussh.edu.vn

Tóm tắt

So với mảng sưu tầm thì mảng nghiên cứu riêng về ca dao dân ca Nam Bộ trước 1975 còn khá là mới mẻ và ít ỏi, thường là phần khảo cứu kèm theo để giới thiệu phần sưu tập theo sau trong các công trình sưu tầm và nghiên cứu nói chung. Điều này cũng dễ hiểu vì khi đối tượng nghiên cứu còn ở trong giai đoạn được tìm kiếm và nhận diện thì thật khó để có những nghiên cứu chú trọng đến nguồn tư liệu còn chưa ổn định này. Những công trình nghiên cứu ca dao dân ca Nam Bộ trước 1975 dù còn sơ lược, còn lẫn lộn và chưa thực sự phân biệt rành mạch giữa các thể loại văn học dân gian nhưng cũng đã cùng nhau phác thảo nên một diện mạo văn học dân gian sinh động, đa dạng và đặc sắc của vùng đất phương Nam của những tháng năm đầu thế kỷ XX.

Abstract

Compared to the collected works, the research works on Southern folk songs before 1975 are still quite new and limited. They generally include collected folk songs with cursory research section. This is understandable because when the research object is still in the stage of being searched and identified, it is difficult to have studies focusing on this unstable source of material. The research works on Southern folk songs before 1975 although still simple and confused and not really distinguishing between genres of folklore but they outlined the Southern folklore's appearance. The Southern folklore is lively, diverse and distinctive in the early years of the twentieth century.

**KONTUM KỶ THỨ VÀ BÍ ẨN CUỐI THẾ KỶ XIX - ĐẦU THẾ KỶ XX
QUA KONTUM TỈNH CHÍ
VÀ THẠCH XUYÊN THI TẬP CỦA VÕ CHUẨN**

TS. Lê Đức Tường

Trường THCS và THPT Liên Việt Kon Tum

ledactuong@gmail.com

Tóm tắt

Kon Tum là một tỉnh miền núi, phía cực Bắc Tây Nguyên, nơi giáp với nước bạn Lào và Campuchia. Là vùng đất kỳ thú và bí ẩn, Kon Tum vẫn còn khá xa lạ với trong tâm trí của nhiều người, nhất là thuở mới khai sinh lập địa. Bài viết bước đầu tìm hiểu, giới thiệu Kon Tum trong những năm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX qua Kontum tỉnh chí và Thạch Xuyên thi tập của Võ Chuẩn.

Từ khóa: Kontum tỉnh chí, Thạch Xuyên thi tập

Kon Tum was interesting and mysterious in the late 19th and early 20th centuries through Records of Kontum province and Thach Xuyen poetry by Vo Chuan.

Abstract

Kon Tum, which borders Laos and Cambodia, is a mountainous province in the northernmost part of the Central Highlands. As a land of exotic and mysterious, Kon Tum is still quite unfamiliar with the minds of many people, especially in the early days of its birth. The article initially explores and introduces Kon Tum in the late 19th century and early 20th century through Records of Kontum province and Thach Xuyen poetry by Vo Chuan.

Keywords: Records of Kontum province, Thach Xuyen poetry

**ẢNH HƯỞNG NHÂN SINH QUAN PHẬT GIÁO
TRONG SÁNG TÁC THƠ CHỮ HÁN CỦA CÁC NHÀ NHO VIỆT NAM
THẾ KỈ XVIII ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XIX**

ThS. Lê Sỹ Đồng

ĐH Thủ Dầu Một

dongls@tdmu.edu.vn

Tóm tắt

Cho đến nay, Phật giáo đã du nhập vào Việt Nam khoảng trên 2000 năm. Trong khoảng thời gian ấy, tinh thần, tư tưởng Phật giáo đã thấm sâu vào vào các khía cạnh đời sống văn hóa của người Việt, trong đó có hoạt động sáng tác văn học. Thiết nghĩ, ngoài việc nghiên cứu nội dung thiền Phật trong các sáng tác của các thiền sư, thì việc nghiên cứu nội dung Thiền Phật trong sáng tác của các nhà nho cũng hết sức quan trọng. Chúng tôi trong tham luận này, bước đầu trình bày các kết quả khảo sát về sự ảnh hưởng của nhân sinh quan Phật giáo trong sáng tác thơ chữ Hán của các nhà nho Việt Nam TK XVIII đến đầu thế kỉ XIX ở các khía cạnh như: nhìn cuộc sống bi khổ, nhìn cuộc đời giả tạm, và cảm hứng thoát tục; với hi vọng sẽ góp thêm phần nhìn nhận toàn diện hơn sự ảnh hưởng của Phật giáo đến đời sống tinh thần của các nhà nho thời trung đại Việt Nam.

Từ khóa: Thiền Phật, thơ chữ Hán, văn học trung đại

Abstract

Up to now, Buddhism has been introduced to Vietnam for about 2000 years. During that time, the spirit and thought of Buddhism have penetrated deeply into aspects of Vietnamese cultural life, including literary activities. I think, in addition to studying the content of Buddhist meditation in the works of Zen masters, it is also very important to study the content of Zen Buddhism in the works of the Confucians. In this paper, we initially present the survey results on the influence of Zen Buddhism on look view to human life in Chinese poetry compositions by Vietnamese Confucians from the 18th century to the first half of the 19th century in aspects such as: look ata life of sadness and unhappiness; life is imaginary, and quiet life in Buddhist meditation; with the hope that it will contribute to a more comprehensive view of the influence of Buddhism on the spiritual life of medieval Confucianists in Vietnam.

Keywords: Zen Buddhism, Chinese poetry, medieval literature

**PROMOTING THE CULTURE OF VIETNAM SOUTHWEST REGION
THROUGH TOURISM ACTIVITIES**

TS. Lưu Tuấn Anh

Khoa Du lịch & Ẩm thực, ĐH Công nghiệp Thực phẩm Tp.HCM

luutuananh686@gmail.com

Abstract

The Southwest region is one of the diverse cultural regions with many unique features from natural resources to human resources in Vietnam. In the current integration period, tourism is an effective means to widely promote the culture of the Southwest region to people inside and outside the country. The nature of tourism activities in the Southwest region is cultural tourism. In particular, people are both an important object and subject of tourism activities to promote regional culture. This paper mentions the inevitability of promoting the culture of Southwest region through tourism activities, the characteristics of tourism activities to promote the regional culture and emphasizes the role of stakeholders in the context of promoting the culture of the Southwest region through tourism. The research methods applied in the paper include the systematic research method, observation method, material analysis method and interdisciplinary approach. All methods are applied appropriately and flexibly to clarify the points that the paper aims at.

Key words: Cultural promotion, cultural tourism, Southwest culture, Southwest region, Southwest tourism

**DIỄN XƯỞNG DÂN GIAN, SÂN KHẤU CHUYÊN NGHIỆP, ĐIÊU KHẮC
VÀ HỘI HỌA Ở HÀ TIÊN: GÓC NHÌN LOẠI HÌNH**

TS. Nguyễn Bá Long

Trường CĐSP Kiên Giang

balongkg@gmail.com

Tóm tắt

Nằm ở eo biển Tây - Nam tận cùng Tổ quốc, từ vùng đất hoang vu, kể từ khi Mạc Cửu (1655 - 1735) đến đây khai lập trấn (1708), trải qua hơn ba thế kỷ, bằng mồ hôi và xương máu của bao thế hệ mở mang, gìn giữ, Hà Tiên trở thành miền biên ải trù phú, sơn thủy hữu tình - xứ sở của thơ ca nhạc họa, nức tiếng một vùng. Tìm hiểu đời sống tinh thần của cư dân Hà Tiên qua một số loại hình từ diễn xướng dân gian đến sân khấu chuyên nghiệp, điêu khắc và hội họa, chúng tôi thấy ở đây đã có sự dung hợp văn hóa của ba dân tộc Việt - Hoa - Khmer. Dung hợp theo hướng đa dạng và hòa kết, kế thừa và cách tân, rất cần được bảo tồn để phát triển, để bảo vệ chủ quyền về phương diện văn hóa và góp phần thu hút khách du lịch - một trong những thế mạnh nổi bật của Hà Tiên, nhất là khi Hà Tiên được nâng từ thị xã lên thành phố trực thuộc tỉnh (2018).

Từ khóa: Hà Tiên, diễn xướng, sân khấu, điêu khắc, hội họa, loại hình

Folk performance, professional theater, sculpture and art in Ha Tien: The perspective of the types

Abstract

Located in the South-Western strait at the end of the country, from the wilderness since the founding of the Principality of Hà Tiên (1708) by Mạc Cửu (1655-1735), through more than three centuries developing and protecting with the sweat and blood of many generations, Hà Tiên has developed into a prosperous border region, charming landscape, renowned as a land of poetry, music, and painting. While exploring the spiritual life of Hà Tiên inhabitants through a variety of mediums including folk performances, professional theater, sculpture, and painting, we discovered a cultural fusion among three ethnic groups: Vietnamese, Chinese, and Khmer. The fusion that encourages diversity and harmony, inheritance and innovation, is critical to be preserved for development, protecting territorial sovereignty in terms of culture, and contributing to tourist's attraction - one of the

Ha Tien's notable strengths in particular after the town was promoted to a provincial city (2018).

Keywords: Ha Tien, performance, theatre, sculpture, art, performance types

**THẾ HỆ NHÀ VIỆT HỌC MỚI Ở TRUNG QUỐC: TRƯỜNG HỢP GIÁO
SƯ LƯU CHÍ CƯỜNG**

PGS.TS. Nguyễn Hữu Sơn

Viện Văn học – Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

lavson1059@gmail.com

Tóm tắt

Bước sang thế kỷ XXI, ở Trung Quốc đã dần định hình thế hệ các nhà Việt học chuyên sâu, trong đó có chuyên ngành nghiên cứu văn học Việt Nam. Khái niệm “nhà Việt học” phải có hai tiêu chí cơ bản: am hiểu tiếng Việt và có công trình nghiên cứu chuyên sâu về Việt Nam. Nhà nghiên cứu Lưu Chí Cường (刘志强, Liu Zhiqiang) đảm bảo cả hai tiêu chí trên. Ông hiện là Giáo sư, Viện trưởng Viện Ngôn ngữ Văn hóa phương Đông, Trường Đại học Ngoại ngữ Ngoại mậu Quảng Đông (Trung Quốc), từng học tại Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội, nhận bằng Tiến sĩ Văn học tại Trường Đại học Bắc Kinh. Tham luận tập trung giới thiệu các công trình nghiên cứu, dịch thuật về văn hóa – văn học Việt Nam của Giáo sư Lưu Chí Cường đã công bố bằng tiếng Trung và tiếng Việt, trong đó đặc biệt nhấn mạnh vị trí chuyên khảo Nghiên cứu danh tác văn học cổ điển Việt Nam (越南古典文学名著研究), Việt Nam cổ điển văn học danh trước nghiên cứu) đã xuất bản ở Trung Quốc (2018) và Việt Nam (2021)...

Từ khóa: Lưu Chí Cường, Trung Quốc, Việt học, danh tác văn học Việt Nam

**A new generation of Vietnamese scholars in China –
The case of Professor Liu Zhiqiang**

Abstract

In the 21st century, China has gradually shaped a generation of in-depth Vietnamese scholars, including majoring in Vietnamese literature studies. The concept of "Vietnamese scholar" must have two basic criteria: understanding Vietnamese language and having in-depth research on Vietnam. Researcher Liu Zhiqiang (刘志强, Liu Zhiqiang) guarantees both of the above criteria. He is currently Professor, Director of the Institute of Oriental Languages and Cultures, Guangdong University of Foreign Languages and Foreign Trade (China), studied at the University of Foreign Languages - Vietnam National University, Hanoi, and received a Ph. Literature at Peking University. The discussion focuses on

THE 5TH INTERNATIONAL CONFERENCE OF VIETNAMESE STUDIES

introducing research and translation works on Vietnamese culture and literature published by Professor Luu Chi Cuong in Chinese and Vietnamese, with special emphasis on the position of monograph Research Vietnamese classic literary works (越南古典文学名著研究 , Vietnamese classical literature with a reputation for research) published in China (2018) and Vietnam (2021)...

Keywords: Liu Zhiqiang, China, Vietnamese studies, Vietnamese literary works

**BẢN SẮC VĂN HÓA VIỆT NAM
NHÌN TỪ QUÁ TRÌNH GIẢI ÁN HÓA TRONG LỊCH SỬ**

HVCH. Nguyễn Minh Giang

Khoa Văn hóa học, ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM

minhgiang2797@gmail.com

Tóm tắt

Là một quốc gia mang tính bán đảo chiếm trọn phần phía Đông của Đông Dương, văn hóa Việt Nam thể hiện tính lưỡng nguyên sâu sắc từ buổi khai sinh dân tộc đến khi hội nhập, giao lưu, tiếp xúc với các luồng văn hóa khu vực và thế giới. Là quê hương của các cặp đôi khởi nguyên triết lý Âm Dương, lại nằm ở vị trí địa chiến lược thuận lợi cho giao thương bằng đường biển và giao lưu, tiếp xúc văn hóa với các nước trong khu vực và trên thế giới qua biển Đông, Việt Nam luôn rộng mở tiếp nhận thành tựu văn hóa - văn minh Đông - Tây, trong đó có văn hóa Ấn Độ. Những đặc trưng tiêu biểu thể hiện bản sắc văn hóa Việt Nam là tính linh hoạt trong duy trì thái độ mở khi tiếp thu văn hóa ngoại lai, song song với tính cố kết cộng đồng làng xã góp phần giữ vững cơ tầng văn hóa bản địa gốc nông nghiệp điền hình. Bản sắc văn hóa dân tộc luôn vận động và phát triển phù hợp với bối cảnh thời đại, song vẫn không dứt khỏi căn tính sẵn có của nó vốn gắn liền với bối cảnh đã sản sinh ra cội nguồn văn hóa dân tộc. Quá trình giải Án hóa trong lịch sử cổ trung đại Việt Nam đã thể hiện đầy đủ những đặc tính đó của bản sắc văn hóa Việt Nam. Bài viết tập trung làm rõ những phương diện, biểu hiện nổi bật về bản sắc văn hóa của dân tộc Việt Nam trong quá trình giải Án hóa, bao gồm lĩnh vực văn hóa tín ngưỡng, văn hóa kiến trúc nghệ thuật và văn học dân gian.

Từ khóa: bản sắc văn hóa, giải Án hóa, tiếp biến văn hóa, văn hóa Việt Nam

Abstract

Being a peninsula that occupies the whole of east Indochina, Vietnam has a dualized culture from its birth to the time of its exchange and contact with other regional cultural flows. Being the hometown of the Yin-Yang philosophy which occupies many coupled/dualized thoughts, and is located in a geostrategic position with conveniences to sea trade and cultural exchange with other cultures through the South China Sea; Vietnam has always received the East-West cultural - civilized achievements, including the Indus culture. The outstanding characteristics of Vietnamese cultural identity are the flexibility in maintaining an open attitude with the absorption of foreign cultures, coexists with the strong cohesion of the

collectivism which contributed to maintaining the typical-agricultural-origin cultural subplate. The Vietnamese cultural identity always moves and develops in accordance with the context of times, but still, keep up with its inherent values which are linked to the context that gave birth to the national cultural roots. The process of de-Indianization in the ancient - medieval history of Vietnam has fully demonstrated those characteristics of the Vietnamese cultural identity. This article focuses on clarifying the typical fields and aspects of the Vietnamese cultural identity during the process of de-Indianization, including the aspects of spiritual culture, architectural culture, and folk literature.

Keywords: cultural identity, de-Indianization, acculturation, Vietnamese culture

SỰ LƯU HÀNH VÀ ẢNH HƯỞNG
CỦA THƠ GIẢI XĂM (籤詩) Ở VIỆT NAM

TS. Nguyễn Thanh Phong

Trường Đại học An Giang, ĐHQG-HCM

ntphong@agu.edu.vn

Tóm tắt

Xin xăm là một hình thức bói toán để dự đoán họa phúc cát hung có nguồn gốc từ Trung Quốc, theo chân di dân người Hoa lưu truyền và ảnh hưởng rộng khắp khu vực Đông Á và Đông Nam Á. Thơ giải xăm là hình thức thể hiện thường thấy của các diễn ngôn có nội dung lý giải những ngờ hoặc của người xin xăm, là đáp án của “thần thánh” xoay quanh những vấn đề cuộc sống mà người xin xăm đặt ra. Loại thơ này có lịch sử hình thành lâu đời, có được do phò cơ giáng bút, do các đạo sĩ biên soạn hoặc thậm chí do các nho sĩ trí thức dân gian sáng tác, nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt tín ngưỡng tôn giáo. Dưới hình thức của các thể loại thơ ca truyền thống, bài thơ giải xăm chứa đựng một lượng lớn tri thức dân gian về văn học, sử học, triết học; có ảnh hưởng sâu rộng đến đời sống văn hóa tinh thần của quần chúng nhân dân. Bài viết khảo chứng nhiều nguồn thư tịch cổ để giới thiệu về tập tục xin xăm của người Việt, bàn luận về quá trình lưu hành của thơ giải xăm trong đời sống xã hội qua một số bộ thơ giải xăm tiêu biểu, kết hợp tư liệu điều tra điền dã tại các cơ sở thờ tự để làm rõ sự ảnh hưởng của nó đến đời sống của người bình dân.

Từ khóa: Tín ngưỡng dân gian, xin xăm, thơ giải xăm, Trung Quốc, Việt Nam

Understanding the circulation and influence of lottery poetry in Vietnam

Abstract

Kau Chim is a form of divination to predict lucky charms, originated from China, handed down and spread widely throughout East Asia and Southeast Asia. Lottery poetry (the poetry of Chim) is a common expression of the text that explain the suspicion of the applicant; and the answer of God around the life problems that the applicant sets. This type of poetry has a long history of formation, composed by planchette writing or folk intellectuals to meet the needs of religious activities, containing a large amount of folk knowledge about literature, history, and philosophy. It has a profound influence on the spiritual and cultural life of the faithful. In the process of cultural exchange with China, tattoo poetry was also widely circulated to Vietnam and greatly inspired the spiritual life of ordinary people.

Through study of books and fieldwork, the article initially introduces the transmission and influence of lottery poetry in Vietnam.

Keywords: Folk beliefs, Kau Chim, lottery poetry, China, Vietnam

ĐẶC ĐIỂM TUỒNG HÀI DÂN GIAN NAM BỘ

ThS. Nguyễn Thị Huyền Trang

Khoa Việt Nam học, ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM

trangnguyen.hsht@gmail.com

Tóm tắt

Tuồng hài dân gian Nam Bộ trước năm 1945 có thể kể đến như Trần Bô, Trương Ngáo, Gia Tường... là những tác phẩm tuồng khá nổi tiếng, để lại những giá trị đáng quý về nội dung cũng như nghệ thuật. So với các thể loại tuồng khác, tuồng hài dân gian Nam Bộ không viết về những nhân vật anh hùng, mang phẩm chất trung, hiếu, tiết, nghĩa mà chỉ tập trung khai thác về những nhân vật bình thường trong xã hội, dùng tiếng cười, hài hước, châm biếm để mô tả một bức tranh xã hội với những thói hư, tật xấu để răn đe, giáo dục nhân cách của con người. Kịch bản tuồng hài dân gian tuy ngắn gọn nhưng được viết khá chặt chẽ theo những quy ước định sẵn của nghệ thuật viết kịch bản tuồng từ bố cục, cách tổ chức các xung đột, cách xây dựng nhân vật... Vì vậy, tuồng hài dân gian Nam Bộ cũng xứng đáng được quan tâm, chú ý nghiên cứu.

Từ khoá: Tuồng đồ Nam Bộ, kịch bản tuồng, nội dung tuồng, nghệ thuật tuồng, bảo tồn tuồng

Features of classical comedic dramas of Southern Vietnam

Abstract

Classical comedic drama in the Southern region of Vietnam dating back to 1945 (tuong hai dan gian Nam Bo) is a quite sub-genre of tuong (a type of classical Vietnamese drama), consisting of well-known dramas like Tran Bo, Truong Ngao, Gia Tuong, etc., which are embedded with contextual and artistic values. Rather than putting the focal point on heroes who are loyal and pious compared to other classical drama of any kinds, this type of classical Southern comedic drama is focused on telling the stories of ordinary people in the society, capturing such a world that operates based on the vices of its humans through a sarcastic and humorous lens; all to issue an early warning to people and educate them on how their personality should turn out to be. Although classical comedic drama of the South is short in length, it has a rigid style of writing which follows the set rules in creating the scripts, including structure, ways of arranging events of conflicts, and characterization. Therefore, classical comedic drama of the South also deserves to be appreciated and

researched further in the literature field.

Keywords: Classical comedic drama in the Southern region, plot of classical Vietnamese drama, context of classical Vietnamese drama, art in classical Vietnamese drama, preservation of classical Vietnamese drama

**CHÂN DUNG NGƯỜI PHỤ NỮ VIỆT NAM CUỐI THẾ KỶ XVII –
ĐẦU THẾ KỶ XX QUA CÁC TÁC PHẨM KÝ CỦA NGƯỜI NƯỚC NGOÀI**

TS. Nguyễn Thị Kim Phượng

Khoa Việt Nam học, ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM

ntkphuong5370@gmail.com

Tóm tắt

Sự dịch chuyển từ Tây sang Đông trong quá trình mở rộng ảnh hưởng của các quốc gia, đã biến Việt Nam thành điểm tiện đường của nhiều người nước ngoài, với nhiều lý do khác nhau. Trong thời gian lưu lại xứ sở này, họ đã tiếp cận, đi sâu tìm hiểu đời sống dân tình Việt Nam và ghi chép lại với dạng ký. Tuy nhiên, dù theo thể ký nhưng các trang ghi chép của họ không dừng ở việc thuật tả mà còn đong đầy xúc cảm nghệ thuật, đi kèm với những nhận định mang đậm tính khoa học bởi sự phong phú về tài liệu tham khảo và cách tiếp cận nhiều chiều. Đặt Việt Nam thuộc cùng một mô hình văn hóa tư tưởng với Trung Quốc, họ đã phát hiện ra những nét khác biệt cơ bản không chỉ đối với phương Tây mà còn với cả Trung Quốc về đời sống sinh hoạt của người phụ nữ Việt Nam. Họ thực sự bị cuốn hút và bị thuyết phục bởi sự tương phản thú vị về ngoại hình, tính cách, hành vi ứng xử của người phụ nữ Việt Nam so với những gì họ từng nghĩ. Với hướng tiếp cận đa chiều, họ đã đưa ra những nhận định không chỉ là quan điểm riêng mà còn cho thấy nhãn quan của thế giới về Việt Nam, về giới nữ – khẳng định tính độc lập về văn hóa của Việt Nam với Trung Quốc, phụ nữ Việt Nam đã có được vị trí xã hội mà phụ nữ các nước Tây – Âu lúc bấy giờ đang đấu tranh để đạt được.

Từ khóa: hình tượng, nữ giới, ngoại hình, hoạt bát, tính nữ, bình đẳng giới

Abstract

The shift from West to East in the process of expanding the influence of countries, had made Vietnam a convenient destination for many foreigners, for many different reasons. During their stay in this country, they approached and delved into the Vietnamese people's life and recorded it as a journal. However, even though they were journalism, their pages did not stop at description but also contained artistic feelings, multidimensional approach accompanied by scientific judgments, thanks to the richness of references. Considering Vietnam in the same ideological and cultural model with China, they discovered the fundamental differences not only with the West but also with China in the daily life of Vietnamese women. They were really attracted and convinced by the interesting contrast in appearance, personality

THE 5TH INTERNATIONAL CONFERENCE OF VIETNAMESE STUDIES

and behavior of Vietnamese women compared to what they once thought. With a multi-dimensional approach, they have made statements that are not only their own views but also show the world's vision of Vietnam and women - affirming Vietnam's cultural independence from China. Nationally, Vietnamese women had acquired the social position that women in Western and European countries were struggling to achieve at that time.

Keywords: image, women, appearance, vivaciousness, femininity, gender equality

**VIETNAMESE IDENTITY IN THE ERA OF GLOBALIZATION: WHAT
THE YOUTH THINK ABOUT TRADITIONAL CULTURE**

NCS. Nguyễn Tuấn Nghĩa

Khoa Việt Nam học, ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM

National ChengKung University (Taiwan)

tuannghia@hcmussh.edu.vn

Abstract

Although the issue of cultural identity and national tradition in the era of globalization is very much concerned, researchers' understanding of the revival of traditional culture in Vietnam today is still modest. As youth play a decisive role in preserving and promoting those cultural traditions in the near future, this paper is an attempt to go deeper into the Vietnamese youth's perceptions and attitudes on their own traditional culture. The research results not only reveal the honest thoughts of today's youth about the traditions of their ancestors, but also hint at the future fate of these traditions in the decades to come. The findings suggest that cultural traditions still have a certain place in the minds of young Vietnamese, but their approach to maintaining and promoting these cultural capitals has many new and creative points than their previous generations. This research can be a useful source of reference for individuals and organizations in policymaking as well as building effective solutions to preserve and promote the identity of Vietnam in the current period.

Keywords: Vietnamese youth, traditional culture, cultural identity

**TIẾP CẬN BẢN SẮC VĂN HÓA VIỆT NAM
TỪ GÓC ĐỘ TIẾP BIẾN VĂN HÓA: TRƯỜNG HỢP BIẾN ĐỔI
MÔ THỨC TRONG TỤC NHUỘM RĂNG CỦA NGƯỜI VIỆT**

TS. Nguyễn Văn Hiệu

Khoa Văn hóa học, ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM

nguyenvanhieu@hcmussh.edu.vn

Tóm tắt

Mối quan hệ giữa bản sắc văn hóa và biến đổi văn hóa là vấn đề luôn được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm. Qua trường hợp biến đổi mô thức nhuộm răng của người Việt trong quá trình tiếp biến văn hóa phương Tây cuối thế kỷ 19 - đầu thế kỷ 20, bài viết sẽ làm rõ mối quan hệ này từ góc nhìn văn hóa học về văn hóa và bản sắc văn hóa, qua đó, góp phần đề xuất cách tiếp cận mới trong nghiên cứu bản sắc văn hóa Việt Nam.

Từ khóa: Bản sắc, văn hóa, ý thức căn tính, đặc trưng

Abstract

The relationship between cultural identity and cultural change is an issue that has always been of interest to many researchers. Through the case of pattern change of the tooth-staining custom in Vietnamese culture during the process of acculturation to the Western culture in the late 19th and early 20th centuries, the article aims to investigate this relationship from the Cultural Studies' view on culture and cultural identity, thereby, contributing to propose a new approach to the study of Vietnamese cultural identity.

Keywords: cultural pattern, identity, cultural change, custom

**MINH VĂN TRÊN GỐM SÀI GÒN,
THỂ HIỆN QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN
CÁC NGÔI MIẾU HOA TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

ThS. Nguyễn Viết Vinh

Bảo tàng Thành phố Hồ Chí Minh

vinhnguyen16685@gmail.com

Tóm tắt

Từ đầu thế kỷ XX trở đi, vùng Sài Gòn xuất hiện tên các lò gốm như “Đồng Hòa Diêu”, “Bửu Nguyên Diêu” ... trên các sản phẩm gốm dùng để xây dựng, trùng tu, trang trí hay thờ cúng ở miếu, Hội quán người Hoa v.v... Việc gốm Sài Gòn xuất hiện do nhu cầu sử dụng gốm trang trí và đồ thờ cúng để xây dựng mới và trùng tu các chùa miếu trở nên phổ biến hơn.

Việc tìm hiểu về minh văn trên quần thể tiểu tượng gốm Sài Gòn trong kiến trúc miếu Hoa giúp những nhà nghiên cứu phần nào tìm hiểu được về nguồn gốc xuất xứ, ý nghĩa lịch sử, đặc trưng văn hoá thông qua từng chủ đề, điển tích, cách bài trí độc đáo của hai nhóm cộng đồng cư dân Việt - Hoa trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Từ đó đưa ra những luận giải khoa học, nhận thức mới đóng góp thiết thực cho việc nghiên cứu, bảo tồn và phát huy giá trị văn hoá vật thể và phi vật thể.

Từ khóa: Gốm Sài Gòn, Kiến trúc miếu Hoa

**Saigon ceramic on inscriptions, showing the process of forming and
developing Chinese Shrines in Ho Chi Minh City**

Abstract

From the beginning of the twentieth century onwards, the Saigon area appeared names of pottery kilns such as "Dong Hoa Dieu" and "Buu Nguyen Dieu" ... on ceramic products used for construction, restoration, decoration or worship in shrines, The Association of Chinese Folklore, etc. ... The Saigon pottery business appeared because of the need to use decorative ceramics and worshipping objects to build new ones and restore temples to become more popular.

Learn about the inscriptions on the Saigon ceramic statue population pottery in Hoa temple architecture helps researchers to partly understand the origin, historical significance and cultural characteristics through each topic, unique and unique layout of two groups of Vietnamese - Chinese resident communities in Ho Chi Minh city. Since then, it has made new scientific and cognitive explanations that

THE 5TH INTERNATIONAL CONFERENCE OF VIETNAMESE STUDIES

contribute practically to the research, conservation and promotion of tangible and intangible cultural values.

Keywords: Pottery in Saigon, architecture chinese temple

**Hospitable Russians, hard-working Vietnamese –
A psycholinguistic research of Russian-Vietnamese mutual perceptions**

TS. Phạm Hiên,

Irina Markovina,

Istvan Lenart,

Alexey Matyushin

Russian Foundation for Basic Research and Vietnam Academy of Social Sciences

phamhieniol@gmail.com; istvan_lenart@hotmail.com

Abstract

Vietnamese see Russians as hospitable, friendly and smart, while Russians most typically describe Vietnamese as hard-working, kind and cheerful. Less favourable judgements are equally traceable including the Russian perception of Vietnamese as tricky and careless, or Vietnamese viewing Russians as never smiling at strangers and stupid. These mutual perceptions or ethnic/national portraits (Sorokin 2007) as well as the self-perceptions – ethnic/national self-portraits – are investigated in this paper, based on a research conducted with Vietnamese and Russian respondents (N=100 in both countries). National portraits and self-portraits were reconstructed on the basis of the linguistic data collected, reflecting the characterological portraits and self-portraits of the Russian and Vietnamese peoples. Research design and data analysis were conducted relying on the theoretical approach of the processes of cultural/national/ethnic identification and self-identification, formulated by Sorokin in a series of works under the general title "Ethnic Conflictology" (Sorokin 2007). Results were further scrutinised utilising the Schwartz Theory of Basic Human Values (Schwartz 1992). Noteworthy differences between the two nations were revealed in the self-perception of conservation (respect of traditions) (Russia: 16%, Vietnam: 26%) and self-transcendence (universalism and benevolence) (Russia: 36%, Vietnam: 28%).

Keywords: mutual perceptions, intercultural communication, Russian-Vietnamese dialogue, Russian Psycholinguistics, Theory of Basic Human Values, national/ethnic identification and self-identification, characterological portrait

**HÌNH TƯỢNG NHÂN VẬT YÊU MA TỪ TRUYỆN CỔ TÍCH DÂN GIAN
ĐẾN TRUYỆN TRUYỀN KỶ TRUNG ĐẠI VIỆT NAM**

TS. Phạm Văn Hóa

Khoa Ngữ văn và Lịch sử, Trường Đại học Đà Lạt

hoapv@dlu.edu.vn

Tóm tắt

Thông qua khảo sát hệ thống nhân vật yêu ma trong truyện cổ dân gian người Việt ở Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam (Nguyễn Đông Chi sưu tầm & biên soạn), và truyện truyền kỳ ở các tập Thánh Tông di thảo (Lê Thánh Tông), Truyền kỳ mạn lục (Nguyễn Dữ), Truyền kỳ tân phả (Đoàn Thị Điểm), bài viết bước đầu cho thấy biểu hiện cụ thể của sự kế thừa văn học dân gian ở các mặt yếu tố cội nguồn văn hoá, nội dung phản ánh, cốt truyện và nghệ thuật xây dựng nhân vật yêu ma. Bài viết cũng nhấn mạnh những bước tiến nhảy vọt của tác phẩm truyền kỳ trong việc xây dựng nhân vật yêu ma ở xu hướng nội dung thế tục hóa và tính thời đại. Với hình tượng nhân vật yêu ma, truyện truyền kỳ thể hiện nổi bật bước chuyển biến trong tư duy nghệ thuật và phát huy ưu thế phản ánh cuộc sống của văn học. Bài viết góp phần cho thấy cống hiến của truyện truyền kỳ đối với sự phát triển của văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam.

Từ khóa: Việt Nam, truyện cổ tích, truyện truyền kỳ, yêu ma, kế thừa, bước tiến

**Images of monster characters from from Vietnamese folk-tales
to Vietnamese medieval legendary tales**

Abstract

Through surveying the system of monsters characters in the Vietnamese folk-tales in the Storage of Vietnamese Folk Tales (collected and compiled by Nguyen Dong Chi), and legendary tales in the Thanh Tong's Posthumous Manuscript (Le Thanh Tong), Collection of Strange Tales (Nguyen Du), New collection of Legendary Tales (Doan Thi Diem), the article initially shows specific manifestations inherited from folk literature in terms of cultural origin, content reflecting, plot and art of creating monster characters. The article also highlights the leaps and bounds of creating monster characters in legendary tales a tendency to secularisation content and the contemporary. With the image of monster characters, legendary tales to showing a step forward in artistic thinking and promote the advantage of reflecting the life of literature. The article also to showing the contribution of legendary tales

to the development of Vietnamese medieval prose.

Keywords: Vietnam, folk-tales, legendary tales, monsters, inherited, step forward

VIỆT NAM TRONG CÁC TÁC PHẨM VĂN HỌC ĐƯƠNG ĐẠI NGA

PGS.TS. Sokolov Anatory Alexeevich

Viện Đông phương học, Viện Hàn lâm Khoa học Nga, Moskva, Liên bang Nga

ansokolov@mail.ru

Tóm tắt

Bài báo khảo sát Việt Nam được miêu tả trong văn học đương đại Nga như thế nào. Chủ yếu nổi trội ba thể loại: hồi ký, văn xuôi phiêu lưu quân sự và du ký. Ngoài những ấn bản giấy in, phổ biến ngày càng nhiều hơn là những ấn phẩm điện tử, trong các thư viện trực tuyến, dưới dạng sách nói. Trong những năm gần đây, mạng internet trở thành diễn đàn cho những cá nhân sáng tạo. Trên những cổng điện tử và trang web xuất bản những hồi ức, thơ ca, bài hát của các chuyên gia quân sự Liên Xô ở Việt nam những năm chống xâm lược Mỹ, những tác phẩm du ký và nhật ký mạng (blog) của các du khách Nga, những tư liệu video khác nhau với nội dung lịch sử, văn hoá, dân tộc học. Văn học mạng trở thành không gian sáng tạo chủ yếu.

Từ khóa: Việt Nam, Nga, văn học Nga, hồi ký, du ký, văn học mạng

Vietnam in the contemporary Russian literature

Abstract

The article examines how Vietnam is displayed in contemporary Russian literature. Basically, three genres dominate: memoirs, military adventure prose and travelogues. In addition to paper publications, publications in electronic form, in online libraries, in the form of audiobooks are becoming increasingly widespread. In recent years, the Internet has become a platform for creative personalities. Various portals and websites publish memoirs, poems, songs of Soviet military specialists about Vietnam during the struggle against American aggression, travelogues and blogs of Russian tourists, various video materials of historical, cultural and ethnographic content. Online literature becomes the main creative space.

Keywords: Vietnam, Russia, Russian literature, memoirs, travelogue, online literature

**NHỮNG ĐÓNG GÓP CỦA KHÁI HUNG TRONG QUÁ TRÌNH HOÀN
THIỆN CHỮ QUỐC NGỮ**

NCS. Tanaka Aki

ĐH Ngoại ngữ Tokyo, Nhật Bản

akimbo_tnk@yahoo.co.jp

Tóm tắt

Báo cáo này tập trung tìm hiểu những đóng góp của Khải Hưng trong Tự lực văn đoàn trong quá trình hoàn thiện chữ Quốc ngữ. Dựa trên những đánh giá của các nhà phê bình văn học như Huy Cận, Phan Cự Đệ, Phạm Thế Ngũ, Thế Phong, Thanh Lãng... đối với Tự lực văn đoàn cũng như Khải Hưng, làm rõ những thành tích của họ trên mặt tiểu thuyết Quốc ngữ. Đặc biệt, khai thác một số bài viết của Khải Hưng liên quan đến tiếng Việt trên báo Phong hóa (do nhóm Tự lực văn đoàn phát hành trong thời gian 1932-1937, tổng cộng 190 số).

Khải Hưng nỗ lực làm phong phú tiếng Việt qua hoạt động báo chí và sáng tác văn chương. Với kiến thức phong phú về văn hóa Đông - Tây, Tân học - Cổ học, Khải Hưng đảm nhiệm vai trò hướng dẫn các văn nghệ sĩ thời bấy giờ, còn có ý định bổ sung những chữ thiếu trong tự điển Việt ngữ. Những nội dung mà Khải Hưng hướng dẫn cho mọi người những năm 1930, vẫn còn có ý nghĩa hiện nay. Khải Hưng không chỉ là một tiểu thuyết gia mà còn là một học giả uyên bác, điều ấy khiến ông có một vị trí quan trọng trong sử văn học Việt Nam.

Từ khóa: Khải Hưng, Quốc ngữ, Tự lực văn đoàn

**XUNG ĐỘT VÀ TIẾNG CƯỜI TRONG KIỂU TRẠNG VIỆT
NAM VÀ LÀO TỪ GÓC NHÌN VĂN HOÁ**

Trần Khoa Nguyên

ThS. Đỗ Đình Linh Vũ

Khoa Ngôn ngữ học, ĐHKHXH&NV, ĐHQG-HCM

nguyentrk@gmail.com

Tóm tắt

Truyện trạng là một thể loại tự sự dân gian độc đáo ở Việt Nam và một số nước Đông Nam Á khác. Thông qua góc nhìn văn hoá, bài viết phân tích, lý giải nguồn gốc của những xung đột cơ bản giữa nhân vật Trạng và các thế lực đối trọng, từ đó tiếp cận tiếng cười như một yếu tố thẩm mỹ đặc trưng của truyện trạng Việt Nam và Lào qua trường hợp Trạng Quỳnh và Xiêng Miêng. Phương pháp so sánh cũng được vận dụng để làm rõ những tương đồng và dị biệt về văn hoá đã tác động đến việc định hình thể loại truyện Trạng cũng như các đặc điểm đáng quan tâm của thể loại này như tính tập thể, tính giai cấp và tính nhân dân.

Từ khoá: Truyện Trạng; xung đột; tiếng cười; Trạng Quỳnh; Xiêng Miêng

**Conflict and laughter in the “First Laureate” stories of Vietnam and Laos
from cultural perspective**

Abstract

“First Laureate” stories is a unique narrative genre of Vietnam and some Southeast Asian countries Folklore. Through a cultural perspective, the article analyzes and explains the origin of the fundamental conflicts between the character “First Laureate” and the opposing forces, thereby approaching laughter as a characteristic aesthetic element of Vietnam and Laos “First Laureate” stories through the case of Trang Quynh and Xieng Mieng. The comparative method is also used to clarify the cultural similarities and differences that have influenced the shaping of the “first Laureate” stories genre as well as the interesting features of this genre such as collectivity, class and the public spirit.

Keyword: “First Laureate” stories; conflict; laughter; Trang Quynh; Xieng Mieng

**VĂN HÓA GIAO TIẾP CỦA VIỆT NAM
TRONG ĐÀM PHÁN THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ
(TRƯỜNG HỢP TRONG ĐÀM PHÁN THƯƠNG MẠI VIỆT - MỸ)**

ThS. Trần Thị Ngọc Mai

Khoa Việt Nam học, ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM

maitn@hcmussh.edu.vn

Tóm tắt

Toàn cầu hóa đang thay đổi phương thức kinh doanh ở nhiều nơi, đặc biệt là ở các quốc gia đang phát triển. Cùng với sự gia tăng của thương mại quốc tế (TMQT) thì các kỹ năng giao tiếp kinh doanh liên văn hóa ngày càng được quan tâm nhiều hơn. Các doanh nghiệp hoạt động trên thương trường quốc tế phải hoạch định chiến lược phát triển và xây dựng hàng loạt các biện pháp, trong đó có đàm phán thương mại (ĐPTM) để tiến hành các hoạt động TMQT đạt hiệu quả nhất. Đã có nhiều thương vụ quốc tế không thành không phải do các yếu tố thuần kinh tế (giá cả, thị trường...) mà do các bên không thể vượt qua được các rào cản văn hóa. Am tường văn hóa giao tiếp (VHGT) trong ĐPTM quốc tế sẽ giúp hoạt động TMQT tiến triển trên nhiều phương diện: hiện thực hóa cơ hội hợp tác thương mại; thúc đẩy việc thực thi hợp đồng thương mại (HĐTM); tăng cường mối quan hệ đối tác và từ đó mở đường cho những hợp tác thương mại khác...

Sau 20 năm Việt Nam và Mỹ chính thức bình thường hóa quan hệ, Hiệp định thương mại song phương (BTA) được ký kết (ngày 13/7/2000) đã thúc đẩy thương mại hai chiều tăng hơn. Quan hệ thương mại Việt - Mỹ sẽ vẫn là trục trung tâm của toàn bộ các quan hệ Việt - Mỹ. Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi trên thì vẫn còn những cản trở đối với quan hệ thương mại Việt - Mỹ mà trong đó quan trọng nhất là những khác biệt giữa VHGT trong ĐPTM Việt - Mỹ. Đây là vấn đề đặt ra không chỉ cho doanh các nhân Việt và Mỹ có hợp tác thương mại với nhau mà còn cho các nhà nghiên cứu, các nhà hoạch định chính sách thương mại Việt - Mỹ...

Trong bài tham luận này, chúng tôi tập trung trình bày nghiên cứu VHGT trong ĐPTM Việt - Mỹ để xác định, lý giải những khác biệt, những thuận lợi, khó khăn trong giao tiếp ĐPTM Việt - Mỹ.

**THỂ LOẠI TRUYỆN VỪA Ở NAM BỘ ĐẦU THẾ KỶ XX –
TRƯỜNG HỢP SƠN VƯƠNG**

NCS. Trần Thị Mỹ Tiên

Bộ môn Việt Nam học, Đại học Bạc Liêu

ttmtien@blu.edu.vn

Tóm tắt

Đầu thế kỉ XX, ở Nam kỳ diễn ra những thay đổi vô cùng to lớn trên mọi mặt của đời sống văn hóa, xã hội; trong bối cảnh đó xuất hiện những tài năng văn chương mà tác phẩm của họ là những minh chứng tiêu biểu cho một giai đoạn của lịch sử sôi động của dân tộc. Bài viết này thông qua khảo sát 12 tác phẩm của nhà văn Sơn Vương nhằm làm rõ nội hàm của khái niệm truyện vừa trong bối cảnh những tranh luận về thể loại vẫn còn bỏ ngõ. Bên cạnh đó, bài viết cũng đi vào tìm hiểu nghệ thuật tự sự trong truyện của ông qua các phương diện như kết cấu, người kể chuyện, nhân vật và ngôn ngữ; từ đó chỉ ra những đặc trưng của truyện Sơn Vương và các nhà văn khác cùng thời ở Nam kỳ giai đoạn đầu thế kỷ XX dưới sự ảnh hưởng của hai luồng văn hóa Đông Tây và bối cảnh văn học đương thời.

Từ khóa: truyện vừa, thể loại, Nam kỳ, Sơn Vương

**Medium story genre in the Cochinchina in the early 20th century –
the case of Son Vuong**

Abstract

At the beginning of the twentieth century, in Cochinchina took place enormous changes in all aspects of cultural and social life; in that context appeared literary talents whose works were typical examples of a vibrant period of the nation's history. This article examines 12 works of Son Vuong in order to clarify the connotation of the concept of "medium story" in the context of debates on genre still open. Besides, the article also explores the art of narrative in his works through aspects such as contexture, narrator, characters and language. From there, it shows the features in the compositions of Son Vuong and other writers of the same time in Cochinchina in the early twentieth century under the influence of East-West culture as well as the contemporary literary context.

Keywords: Medium story, genre, Cochinchina, Son Vuong

**HOÀNG XUÂN HÃN VÀ TƯ LIỆU TÁC PHẨM CHỮ NÔM CỦA
GIROLAMO MAIORICA TẠI THƯ VIỆN QUỐC GIA PARIS**

PGS.TS. Trần Thị Phương Phương

Khoa Văn học, ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM

tranthiphuongphuong@gmail.com

Tóm tắt

Girolamo Maiorica là một linh mục Dòng Tên (hay còn gọi là Dòng Chúa Jesus, tên tiếng Latin là Societas Iesu) người Ý, đến Việt Nam vào đầu thế kỷ XVII sống và truyền đạo ở Đàng Ngoài cùng thời với Alexandre de Rhodes, từ năm 1631 đến khi ông qua đời tại Thăng Long. Ông để lại một lượng lớn tác phẩm thuộc nhiều thể loại văn học Công giáo được viết bằng chữ Nôm, mà một thời gian dài tưởng đã thất truyền, đến khi học giả Hoàng Xuân Hãn tìm thấy một số trong Thư viện Quốc gia Pháp ở Paris năm 1951. Hoàng Xuân Hãn đã công bố thông tin về số tư liệu tìm được này trong một bài đăng trên một tạp chí của Viện Sử học Dòng Tên vào năm 1953. Công trình này tuy ngắn, nhưng đã có ý nghĩa quan trọng đối với việc nghiên cứu văn học Công giáo chữ Nôm thế kỷ XVII từ nửa sau thế kỷ XX. Bài viết của chúng tôi xin giới thiệu bài viết của Hoàng Xuân Hãn và những thông tin có liên quan đến nó.

Từ khóa: Hoàng Xuân Hãn, Girolamo Maiorica, Thư viện Quốc gia Pháp ở Paris, văn học Công giáo chữ Nôm thế kỷ XVII

**TIẾNG VIỆT TRONG CỘNG ĐỒNG NGƯỜI VIỆT Ở PHÁP –
GÓC NHÌN CỦA NGƯỜI PHÁP ĐỐI VỚI TIẾNG VIỆT
VÀ CỘNG ĐỒNG NGƯỜI VIỆT NAM TẠI PHÁP
(TRƯỜNG HỢP CỘNG ĐỒNG NGƯỜI VIỆT NAM
TẠI MARSEILLE)**

ThS. Văn Thị Thanh Nhân

Ancienne Enseignante à l'Université des sciences sociales et humaines de HCM
ville Viet Nam. Enseignante de la langue vietnamienne à Marseille en Provence.

vanthanhnhan.fr@gmail.com

Tóm tắt

Người Việt Nam ta dù sống xa quê, đất nước và phải hòa nhập vào xã hội của nước sở tại để sinh sống và thích nghi. Nhưng những sinh hoạt cộng đồng, những lễ hội văn hóa, tôn giáo...luôn được diễn ra tại các hội đoàn, chùa chiền, nhà thờ...của người Việt tại Pháp nói chung, thành phố Marseille nói riêng (Marseille là thành phố lớn thứ hai của pháp, là nơi có lượng người việt sống lâu đời nhất và tập trung đông đảo thứ hai sau Paris). Những hoạt động này mang đậm giá trị bản sắc văn hóa của một dân tộc. Đặc biệt, nơi đây Tiếng Việt được sử dụng như một chất keo kết dính cộng đồng người Việt Nam lại với nhau, thể hiện bản sắc người Việt trên xứ người. Tuy nhiên, đa phần những người nói rành tiếng việt đều là những người việt thế hệ một – những người đến từ Việt Nam do những hoàn cảnh khác nhau (vượt biển, lưu học sinh, cựu sinh viên, kết hôn...). Vấn đề cần bàn luận ở đây là con em người việt (cha mẹ việt) thế hệ hai, ba sinh ra và lớn lên tại pháp nhưng không rành tiếng việt nên cần được quan tâm và chú ý.

Theo đó, trong suốt bề dày lịch sử, người Pháp và người Việt Nam có mối quan hệ sâu sắc và mật thiết trên các phương diện, chính trị, ngoại giao, văn hóa, kinh tế...đặc biệt là những người pháp mang hai dòng máu Pháp – Việt (cha hoặc mẹ là người pháp) và người pháp gốc việt (người có tổ tiên xuất xứ là việt nam sau định cư lâu đời ở pháp) từ thời thuộc địa cho đến nay. Cho nên, những sinh hoạt văn hóa lễ hội trong cộng đồng người việt luôn được sự chú ý và tham dự của những người pháp có nguồn gốc Việt Nam. Mặc dù không nói được tiếng việt do trải qua từ nhiều thế hệ trong gia đình, nhưng họ luôn xem người việt và lễ hội của người việt nam như là một hành trình tìm về nguồn cội và nơi đó chính là quê hương trong tìm thức của họ. Đối với những người bạn pháp (pháp gốc, bản xứ) – những người có cảm tình sâu đậm với việt nam - họ xem đây là một dân tộc có một bản sắc văn

hóa rất độc đáo mà họ cần muốn tìm hiểu và khám phá. Mỗi khi lắng nghe người Việt nói chuyện, họ tưởng chừng đó là tiếng chim hót bởi những thanh âm trầm bổng khác lạ. Tiếng Việt trong suy nghĩ của người Pháp đó là một ngôn ngữ vừa xa lạ nhưng vừa gần gũi, với họ tiếng Việt dù dễ trong chữ viết Latin nhưng rất khó phát âm bởi các thanh điệu “sắc huyền ngang hỏi ngã nặng”.

Nhìn chung, những sinh hoạt văn hóa trong cộng đồng người Việt Nam tại Marseille vừa co cụm vừa giao lưu đã tạo nên một bức tranh sống động đầy màu sắc trong tổng thể nền văn hóa đa sắc màu của một quốc gia đa ngôn ngữ, đa chủng tộc trên đất Pháp.

Bằng phương pháp quan sát, tham dự cùng một số phỏng vấn nhanh và tổng thuật tài liệu. Bài viết mang tính chất mô tả tổng thể trên địa bàn mà các tác giả đang sinh sống. Đồng thời, tác giả – một người là trực tiếp hướng dẫn tiếng Việt cho người Pháp (Pháp gốc và Pháp gốc Việt) – một người vừa là học viên học tiếng Việt vừa là người Pháp, nên đồng tác giả sẽ có những cái nhìn tổng quát từ nhiều góc độ khác nhau – chủ quan và khách quan.

Trên cơ sở đó sẽ lý giải nguyên nhân và đưa ra những đề xuất, kiến nghị nhằm góp phần giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và truyền bá ngôn ngữ Tiếng Việt ra thế giới nói chung, ở Pháp mà cụ thể là thành phố Marseille nói riêng.

Từ khóa: Tiếng Việt, bản sắc người Việt, sinh hoạt cộng đồng, lễ hội văn hóa, tôn giáo, giá trị bản sắc văn hóa dân tộc, người Pháp (Pháp bản xứ, Pháp gốc Việt)

**MỘT VÀI HÌNH ẢNH VỀ HỘI CHỢ QUỐC TẾ
TRONG DU KÝ QUỐC NGỮ CỦA NGƯỜI VIỆT NAM
VIẾT VỀ THẾ GIỚI NỬA CUỐI THẾ KỶ XIX - NỬA ĐẦU THẾ KỶ XX**

ThS. Võ Thị Thanh Tùng

Đại học Thủ Dầu Một

tungvtt@tdmu.edu.vn

Tóm tắt

Du kí là thể loại văn xuôi tự sự phi hư cấu, thuật lại những chuyến đi, ghi lại những cảm xúc, tình cảm và suy ngẫm của người viết khi đi đến những vùng đất mới. Vì là thể loại ghi chép theo chuyến đi nên du kí chứa đựng trong nó kho tàng kiến thức phong phú, sinh động và hữu ích về địa lý, lịch sử, văn hoá, tôn giáo, sinh hoạt... của nhiều vùng đất khác nhau, trong đó hội chợ quốc tế là một trong những hình ảnh độc đáo, ấn tượng xuất hiện thường xuyên trong du kí quốc ngữ của người Việt Nam viết về thế giới nửa cuối thế kỷ XIX, nửa đầu thế kỷ XX. Theo chân các du khách, người đọc sẽ được tận mắt chứng kiến những bức tranh đa sắc màu về hội chợ, nơi hội tụ những sản phẩm được coi là tinh xảo nhất, hiện đại nhất, tiêu biểu nhất của thời đại. Nhờ những ký ức về hội chợ quốc tế được lưu giữ trong du kí mà thế hệ sau hiểu được phần nào đời sống, kinh tế, văn hoá, chính trị... của một giai đoạn đầy biến động trong lịch sử phát triển của nhân loại nói chung và Việt Nam nói riêng.

Từ khóa: Du kí, hội chợ, triển lãm

Abstract

Travel writing is a non-fiction narrative prose genre that narrates the journeys, records the emotions, feelings and thoughts of the writer when going to new lands. Because it is a type of trip recording, travel writing contains in it a rich treasure trove of knowledge, lively and useful about geography, history, culture, religion, activities... of many different lands, in which the international fair is one of the unique and impressive images that appear regularly in the Vietnamese national language travel writing about the world in the second half of the nineteenth century and the first half of the twentieth century. Following in the footsteps of visitors, readers will be able to witness firsthand the colorful pictures of the fair, where the products are considered to be the most skilful, the most modern and the most typical of the era. Thanks to the memories of international fairs kept in the travel writing, the next generation can partly understand the life, economy, culture, and politics...

THE 5TH INTERNATIONAL CONFERENCE OF VIETNAMESE STUDIES

of a volatility period in the history of human development in general, and Vietnam in particular.

Keywords: Travel writing, the international fair, exhibition

**TIẾP BIẾN VÀ GIAO LƯU VĂN HOÁ VIỆT - CHĂM- KHMER - AN ĐỘ
VÀ TRUNG HOA QUA TÍN NGƯỠNG THỜ NỮ THẦN Ở NAM BỘ**

TS. Vũ Văn Chung

Bộ môn Tôn giáo học, ĐH KHXH&NV, ĐHQG Hà Nội

vuchung83@gmail.com

Tóm tắt

Tín ngưỡng thờ nữ thần (tục thờ bà) là lễ tục gắn bó lâu đời với người dân Việt Nam nói chung và cư dân Nam Bộ nói riêng. Tục thờ bà Nam Bộ được hình thành với ý nghĩa đề cao vai trò của các vị nữ thần, thể hiện tính trội của yếu tố nữ trong nền văn hoá bản địa. Đồng thời, là kết quả của sự tiếp biến và giao lưu văn hoá giữa Việt - - Khmer - Chăm - Ấn Độ và Trung Hoa. Hệ hình văn hoá đa sắc thái, đa chiều, đa diện trong loại hình tín ngưỡng này cho thấy đó là kết quả vận động khách quan của quá trình địa lý, tự nhiên, lịch sử và giao thoa văn hoá giữa các dân tộc Việt và dân tộc bản địa. Trong bài viết này, thông qua phân tích tục thờ bà ở Nam Bộ, tác giả bước đầu sẽ chỉ ra những yếu tố tiếp biến và giao lưu văn hoá giữa các dân tộc Việt - Chăm - Ấn Độ và Trung Hoa, nhằm khẳng định nét độc đáo và bản sắc dân tộc trong tín ngưỡng thờ nữ thần ở Nam Bộ trên những điểm nhấn quan trọng của đối tượng thờ cúng, nội dung tín ngưỡng và nghi lễ tế tự.

Từ khóa: giao lưu văn hoá, tiếp biến văn hoá, tục thờ bà, tín ngưỡng thờ nữ thần, tín ngưỡng Nam Bộ

Abstract

The worship of goddesses (tục thờ bà) is a long-standing custom of the Vietnam people in general and the residents of South Vietnam in particular. This custom was formed with the meaning of upholding the role of goddesses and showing the dominance of female element in the local culture. At the same time, it is the result of acculturation and cultural exchange between Vietnam, Funan, Khmer, Champa and China. The diverse, multi-dimensional and complex cultural system in this belief is the result of cultural exchanges, together with geographical, natural and historical process among Vietnamese ethnic groups and indigenous peoples. In this article, through analyzing the custom of tục thờ bà in the South, the author will identify the factors of acculturation and cultural exchange between Vietnamese, Cham, Indian and Chinese ethnic groups to affirm usnique features and national identity in the worship of goddesses in the South on the important highlights of the object of worship, the content of the belief and the ritual.

THE 5TH INTERNATIONAL CONFERENCE OF VIETNAMESE STUDIES

Keywords: cultural exchange, acculturation; tục thờ bà, worship of goddesses, beliefs in South Vietnam

**THẦN BIỂN TRONG TÍN NGƯỠNG CỦA NGƯỜI KINH TAM ĐẢO TẠI
VẠN VĨ, QUẢNG TÂY, TRUNG QUỐC**

Yuemoto Haruki

Khoa Việt Nam học, ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM

harukiyuemoto@gmail.com

Tóm tắt

Người Kinh Tam Đảo là người Việt sống ở Kinh Đảo thuộc thành phố Đông Hưng, tỉnh Quảng Tây Trung Quốc. Đây là cộng đồng dân cư đặc biệt vì họ sống bên ngoài biên giới Việt Nam và là một trong những dân tộc thiểu số của Trung Quốc. Đời sống tín ngưỡng của người Kinh Tam Đảo rất phong phú, trong đó có niềm tin vào các vị thần được thờ ở Đình làng mà chủ thần là Thần biển Trấn Hải Đại Vương. Khảo cứu tín ngưỡng thờ Trấn Hải Đại Vương của người Kinh Tam Đảo hé lộ một số điểm thú vị về đời sống của cộng đồng này nơi biển đảo; sự hoà nhập, thích nghi, giao lưu tiếp biến của họ với các dân tộc cộng cư; cũng như mối liên hệ giữa họ với quê hương gốc.

Từ khoá: Thần biển, Trấn Hải Đại Vương, người Kinh, người Kinh Tam Đảo, Kinh tộc Tam Đảo, Vạn Vĩ

Sea God in the beliefs of Tam Dao's Kinh people in Wanwei, Guangxi, China

Abstract

Tam Dao's Kinh people are Vietnamese people living in Kinh Dao in Dongxing city, Guangxi province, China. This is a special community because they live outside the border of Vietnam and are one of China's ethnic minorities. The religious life of the Kinh people is very rich, including belief in the gods worshiped in the communal house (Đình), in which the main god is the sea god Tran Hai Dai Vuong. Research on the religious beliefs of Tran Hai Dai Vuong of the Kinh people reveals some interesting points about the life of this community in the coastal area; their integration, adaptation, and acculturation with other ethnic groups; as well as their relationship with original homeland.

Keywords: Sea god, Zhenhai Dawang, Kinh people, Jing people, Wanwei

TIÊU BAN 3: LỊCH SỬ – XÃ HỘI

SỰ GẮN KẾT CỘNG ĐỒNG NGƯỜI NHẬT Ở TP.HCM

ThS. Bùi Thị Duyên Hải

Khoa Việt Nam học, ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM

buiduyenhai@hcmussh.edu.vn

Tóm tắt

Nghiên cứu về một cộng đồng cũng như tìm hiểu những nét đặc trưng của một cộng đồng đang là vấn đề được giới khoa học quan tâm hiện nay. Trong đó, sự gắn kết cộng đồng là một trong những dấu hiệu cốt lõi để nhận biết một cộng đồng. Tại thành phố Hồ Chí Minh (TP.HCM) đã hình thành một số cộng đồng người nước ngoài, trong đó cộng đồng người Nhật được hình thành từ lâu, với số lượng thành viên khá lớn, sinh sống tập trung ở một số khu vực trung tâm cùng với các hoạt động mang sắc thái văn hóa Nhật rõ nét. Qua khảo sát các hoạt động của cộng đồng người Nhật tại TP.HCM và tìm hiểu động thái hành vi của các thành viên trong cộng đồng, bài viết đưa ra những phân tích liên quan đến vai trò của các tổ chức, hội nhóm và ý thức gắn kết của các thành viên trong cộng đồng người Nhật. Từ đó, nhận định về những yếu tố tác động đến sự gắn kết và đánh giá mức độ gắn kết thực sự của cộng đồng người Nhật tại TP.HCM. Đó là sự gắn kết mang đặc thù văn hóa Nhật, phản ánh một xã hội Nhật thu nhỏ ngay tại TP.HCM.

Từ khóa: cộng đồng, người Nhật, sự gắn kết cộng đồng, ý thức cộng đồng

**VIỆT HỌC: GÓC NHÌN TỪ TÀI LIỆU VỀ MIỀN ĐẤT PHƯƠNG NAM
TRONG LƯU TRỮ TÂY BAN NHA**

ThS. Cao Việt Anh

Viện Nghiên cứu Hán Nôm

hannom.vn@gmail.com

Tóm tắt

Một số tài liệu liên quan xứ Cochinchine với niên đại thế kỷ 16-19 được bảo quản trong Lưu trữ quốc gia Tây Ban Nha là chủ đề chính của bài viết này. Tận dụng ưu thế của nhân văn số [digital humanities] kết hợp thực địa [fieldwork], việc khảo cứu bộ phận tài liệu này chủ ý góp phần mở rộng nhãn quan về Việt học. Việt Nam trong lịch sử có mối tương giao đa quốc gia. Dựa vào tài liệu, bài viết hướng tới hai mục đích: một là nhấn mạnh thêm một nguồn dữ liệu nguyên cấp [primary source] để nghiên cứu Việt Nam, hai là góp phần nghiên cứu vùng Nam kỳ nói riêng, Việt Nam nói chung từ góc độ nhiều quốc gia – nhiều xứ sở - nhiều quan điểm.

Từ khóa: lưu trữ quốc gia Tây Ban Nha, Việt học, Việt Nam học, Nam kỳ

**TRUYỀN THỪA VÀ DIỄN BIẾN TIÊN THIÊN ĐẠO TẠI VIỆT NAM:
TRƯỜNG HỢP NAM NHÃ PHẬT ĐƯỜNG (CẦN THƠ) CỦA ĐẠO MINH SƯ**

GS.TS. Chung Yun-Ying (Chung Vân Oanh)

HVCH. Huỳnh Hoàng Nam

Yuan Ze University

Yun-Ying@saturn.yzu.edu.tw

Tóm tắt

Năm 1863, Trương Đông Sơ, tổ sư đời thứ 16 của Tiên Thiên Đạo, truyền đạo này đến Việt Nam, tại đây gọi là đạo Minh Sư. Từ đó, các vị đứng đầu Tiên Thiên Đạo đã tích cực phái nhiều môn đồ đến Việt Nam truyền đạo. Trong số đó, Trương Đạo Tân, Phan Đạo Khương, Lưu Đạo Nguyên, Ngô Cẩm Tuyên là những người có đóng góp quan trọng trong thời kỳ phái Đông Sơ phát triển trên quốc thổ Việt Nam.

Khi đến Việt Nam, đạo Minh Sư là một giáo phái mới, nhưng lại nhanh chóng thích nghi và phát triển là nhờ Trương Đạo Tân và Ngô Cẩm Tuyên hóa độ được một người Việt tên là Nguyễn Giác Nguyên, người sau này đã lập ra Nam Nhã Đường. Trong quá trình xây dựng, nhờ được Mai Kim Liên hiến đất nên quy mô của nơi đây được thêm phần mở rộng. Ngoài ra đạo Minh Sư được bản địa hóa và thành công phát triển còn phải kể đến công lao của Đinh Đạo Ninh, người đã du hóa từ Nam ra Bắc để hoằng truyền đại đạo.

Bài viết chủ yếu thảo luận về sự phát triển và biến hóa của Tiên Thiên Đạo tại Việt Nam thông qua khảo sát Nam Nhã Đường (Cần Thơ), để tìm hiểu về quá trình bản địa hóa cũng như những đặc sắc của Tiên Thiên Đạo hiện nay.

Từ khóa: Tiên Thiên Đạo, Đạo Minh Sư, Nam Nhã Phật Đường, Việt Nam

The continuance and change of Xiantian Dao 先天道 (The Way of Former Heaven) in Vietnam: focused on Nam Nha Temple in Cần Thơ

Abstract

The study would be discussed that the development and change of Xiantian Dao in Vietnam in the article. To appreciate the localization and characteristics of Xiantian Dao in Vietnam nowadays, the article would be centered on Nam Nha Temple.

In 1863, Zhang Dongchu, the 16th patriarch of Xiantian Dao (called Ming Su Dao in Vietnam), preached in Vietnam. Since then, the leaders of Xiantian Dao have positively dispatched people to reside in Vietnam permanently. Zhang Daoxin, Pan

Daokang, Liu Daoyuan, and Wu Jinqun were the crucial expanders during the development period of Ming Su Dao in Vietnam.

The main reason for the huge success of the development of Ming Su Dao was that Zhang Daoxin and Wu Jinqun have enlightened the Vietnamese Nguyễn Giác Nguyên. Nguyễn Giác Nguyên established Nam Nha Temple, Mai Kim Lan donated lands to expand the scale of Nam Nha Temple, and Đinh Đạo Ninh preached from south to north of Vietnam, which have made Ming Su Dao localized and successfully spread through Vietnam.

Keywords: Xiantian Dao (The Way of Former Heaven), Minh Su Dao, Nam Nha Temple, Vietnam

**THƯƠNG CẢNG: BIỂU TƯỢNG HỘI NHẬP KHU VỰC BẰNG HẢI
THƯƠNG CỦA VIỆT NAM THỜI CỔ-TRUNG ĐẠI**

ThS. Dương Trường Phúc

ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM

duongtruongphuc@gmail.com

Tóm tắt

Hải thương trở nên quan trọng đối với phúc lợi và sự thịnh vượng của nhân loại trong thế kỷ XXI. Nhiều quốc gia trên Thế giới, trong đó có Việt Nam, đang phụ thuộc vào kinh tế biển và thương mại hàng hải. Ngược chiều lịch sử, Việt Nam đã có những thương cảng hoạt động khá sầm uất như Vân Đồn, Phố Hiến, Hội An... thực hiện các chức năng giao thương và giao lưu văn hóa với nhiều nước bên ngoài để từ đó hội nhập khu vực và toàn cầu hóa. Áp dụng quan điểm địa lý học lịch sử và khu vực học, bài viết dựa trên nguồn dữ liệu từ các nghiên cứu lịch sử và khảo cổ học phác thảo đôi nét về thương cảng với vai trò là biểu tượng cho sự hội nhập khu vực bằng hải thương của Việt Nam. Kết quả cho thấy, nhờ vào vị trí giáp biển cũng như vị thế địa lý trong khu vực, các thương cảng Việt Nam không chỉ thực hiện tốt chức năng trao đổi (thương mại, văn hóa...) mà còn trở thành trạm trung chuyển quan trọng của Con đường tơ lụa trên biển (quá khứ). Tất cả thúc đẩy hội nhập của Việt Nam vào khu vực Đông Nam Á và làm tiền đề cho việc tham gia vào quá trình toàn cầu hóa ngày nay. Từ lịch sử hải thương sôi động của Đại Việt, bài viết cũng củng cố vấn đề về nhận thức tầm quan trọng của tài nguyên vị thế biển trong quá trình phát triển kinh tế-xã hội (hiện tại và tương lai).

Từ khóa: hải thương Đại Việt, thương cảng trung đại, quốc gia không giáp biển

**Commercial port: symbol of maritime trade-based Vietnam's regional
integration in the ancient medieval period**

Abstract

Maritime trade becomes important to human welfare and prosperity in the 21st century. Many countries in the world, including Vietnam, are dependent on the marine economy and maritime trade. In the ancient-medieval period, Vietnam had many busy commercial ports such as Van Don, Pho Hien, Hoi An... trade and cultural exchange functions with many foreign countries to integrate into the area and globalization. Applying the regional study and historical geography perspective, the paper, which is based on data from historical and archeological studies, outlines the commercial port as a symbol of Vietnam's regional integration

through maritime trade. The results showed that thanks to the geo-position in the region, Vietnamese ports not only perform the exchange function (trade, culture ...) but also become an important transit station of the Maritime Silk Road (the past). All motivated Vietnam to integrate into Southeast Asia and serve as a premise for its participation in today's globalization process. From Dai Viet's vibrant maritime history, the paper also reinforces the perception of the importance of marine positioning resources in the process of socio-economic development (present and future).

Keywords: Dai Viet maritime trade, commercial port, landlocked country

**SỰ THÍCH ỨNG VỚI MÔI TRƯỜNG SINH THÁI:
TRƯỜNG HỢP CHỦ THỂ VĂN HÓA VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG**

TS. Đinh Thị Dung

Khoa Việt Nam học, ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM

dungvida@hcmussh.edu.vn

Tóm tắt

Vùng Đồng bằng Sông Cửu Long (ĐBSCL) là một không gian đặc thù trong so sánh với nhiều vùng văn hóa khác ở Việt Nam, nhất là ở sự thống nhất cao độ về môi trường tự nhiên và đặc trưng sinh thái. Bài viết khảo sát văn hóa ĐBSCL từ đặc điểm môi trường sinh thái và sự thích ứng của chủ thể văn hóa với môi trường đó nhằm góp phần làm rõ đặc trưng văn hóa vùng từ góc nhìn địa văn hóa và sinh thái học văn hóa.

Từ khóa: Đồng bằng Sông Cửu Long, sinh thái, văn hóa vùng, thích ứng, phát triển, bền vững

Abstract

The Mekong Delta region is a unique space in comparison with many other cultural regions in Vietnam, especially in the high uniform of natural environment and ecological characteristics. The article examines the culture of the Mekong Delta region from the characteristics of the ecological environment and the adaptation of the people to that environment in order to contribute to clarifying the cultural characteristics of the region from the perspective of geoculture and cultural ecology.

Keywords: Mekong Delta, ecology, regional culture, adaptation, development, sustainability

TÍNH NHÀ NƯỚC THỜI HÙNG VƯƠNG QUA TRUYỀN THUYẾT LỊCH SỬ

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

TT nghiên cứu Thái Lan, ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM

hvvietchdph@yahoo.com

Tóm tắt

“Tính nhà nước” là hiện tượng lịch sử - cụ thể; là thuộc tính, chất lượng, tình trạng xã hội trên một giai đoạn phát triển lịch sử cụ thể tạo ra nhà nước, tức từ xã hội công xã thị tộc với hệ thống quyền lực cộng đồng giản đơn sang xã hội phân chia giai tầng với hình thái tổ chức quyền lực nhà nước - pháp luật.

Thời Vua Hùng và Nhà nước Văn Lang đã tồn tại như một thực thể hiện diện vững chắc trong giai đoạn manh nha nhà nước của lịch sử Việt Nam qua các chứng cứ nghiên cứu thuyết phục của các nhà khoa học Việt Nam và nước ngoài.

Truyền thuyết lịch sử - giá trị tài liệu lịch sử thời Hùng Vương góp phần làm sáng tỏ bức tranh toàn cảnh thời kỳ đầu lịch sử chính trị Việt Nam.

Nội dung bài viết, ngoài phần luận giải lý thuyết về “Tính nhà nước” và khẳng định thực tiễn tồn tại nhà nước thời Hùng Vương, thông qua một số Truyền thuyết lịch sử thời kỳ này, đề cập 3 vấn đề:

1. Nhận thức về một quốc gia toàn vẹn lãnh thổ, có chủ quyền.
2. Nhà nước sơ khai với thiết chế tổ chức chẽ, nền tảng kinh tế - xã hội vững chắc.
3. Hoạt động nhà nước và tham gia công dân.

Từ khóa: tính nhà nước, truyền thuyết lịch sử, thời Hùng Vương

Stateness through the Hung Kings period's historical legends

Abstract

Stateness is a historical - concrete phenomenon, a social quality, status in a particularly historical developing period when the state is founded, which means a period that the clan commune owned the simple communal power system transforming to the class-divided society owning the law-based national-power organization form.

The strong presence of the Hung Kings era and the Van Lang State as the entities in the early period of establishment states in Vietnamese history can be

evident through the convincing research evidence of the international and Vietnamese scholars.

Historical legends, a valuable historical document, in the Hung Kings era attribute to affirm the panorama mosaic of the beginning Vietnamese politics.

In addition to the theoretical framework of the stateness, the affirmation of the real presence of state in Hung Kings era, through the historical legends in this period, this paper also focuses on:

First, the perception of state which has fully territorial integrity and sovereignty.

Second, the early state which has a tightening organizational institution, a lengthy socio-economic foundation.

Third, the activities of state and the civic participation.

Keywords: stateness, historical legends, Hung Kings era

CUỘC MINH TÂN Ở NAM KỲ NHỮNG NĂM ĐẦU THẾ KỶ XX

TS. Huỳnh Đức Thiện

Khoa Việt Nam học, ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM

thienhuynhduc@hcmussh.edu.vn

Tóm tắt

Chịu ảnh hưởng của hai xu hướng cứu nước nổi bật là bạo động và cải cách, đồng thời chịu tác động từ phong trào Duy Tân ở Trung Kỳ và Bắc kỳ, đầu thế kỷ XX ở Nam Kỳ đã diễn ra cuộc Minh Tân mạnh mẽ. Cuộc Minh Tân ở Nam Kỳ giai đoạn này diễn ra chủ yếu trên lĩnh vực kinh tế. Chính vì vậy, khi nói đến cuộc Minh Tân kinh tế ở Nam Kỳ những năm đầu thế kỷ XX là nói đến một phong trào chấn hưng thực nghiệp, cổ động cho sự phát triển của kinh tế. Từ những hoạt động của hội Minh Tân những năm đầu thế kỷ XX đã tác động mạnh mẽ đến phong trào đấu tranh xác lập quyền kinh doanh bình đẳng với tư sản ngoại kiều sau Chiến tranh Thế giới lần thứ nhất, diễn ra dưới nhiều hình thức và màu sắc khác nhau. Trong báo cáo khoa học này, chúng tôi sẽ đi sâu tìm hiểu các hoạt động của Minh Tân ở Nam kỳ và sự ảnh hưởng của cuộc Minh Tân đối với sự thay đổi nhận thức của người Việt về đường kinh tế nước nhà theo hướng thực nghiệp. Đặc biệt, qua đó để thấy rằng cuộc Minh Tân để tiến tới giành quyền tự chủ về kinh tế chính là nền tảng quan trọng cho các hoạt động đấu tranh giành độc lập dân tộc sau này.

Từ khóa: Phong trào Duy tân, Minh tân ở Nam kỳ, Nam kỳ, Chấn hưng thực nghiệp.

**BIẾN ĐỔI TRONG HOẠT ĐỘNG TRỒNG TRỌT CỦA NGƯỜI K'HO
Ở KHU VỰC LANG BIANG, TỈNH LÂM ĐỒNG**

TS. Lê Thị Mỹ Hà

Khoa Việt Nam học, ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM

ltmyha@hcmussh.edu.vn

Tóm tắt

Theo kết quả thống kê dân số vào nhà ở năm 2019, người K'ho hiện nay ở Việt Nam có dân số trên 200 ngàn người, trong đó người K'ho ở Lâm Đồng là 175.531 người. Người K'ho ở Lâm Đồng tập trung chủ yếu ở khu vực Lang Biang. Ở đây, các nhóm địa phương của người K'ho như Chil, Lat, Xrê tập trung đông. Những nhóm địa phương này được xem là nhóm cư dân tại chỗ của vùng đất này. Trong quá khứ, họ sống chủ yếu dựa vào khai thác tự nhiên rừng, như săn bắt, hái lượm; ngoài ra còn có hoạt động trồng trọt. Trong đó, trồng trọt trên rẫy là hình thức canh tác sản xuất chủ yếu của họ. Nhưng kể từ sau năm 1975, với nhiều chính sách phát triển của nhà nước được thực thi ở vùng các tộc người thiểu số, nên hoạt động trồng trọt của người K'ho ở khu vực này cũng đã thay đổi. Sự thay đổi này đã tác động làm cho đời sống kinh tế của người dân nơi đây phát triển hơn. Bằng nguồn dữ liệu khảo sát thực tế tại cộng đồng, bài viết sẽ tập trung phân tích sự biến đổi trong hoạt động kinh tế trồng trọt của người K'ho ở khu vực Lang Biang. Qua đó thấy được chính sách phát triển của nhà nước và sự nỗ lực của cộng đồng đã giúp họ có được hiệu quả kinh tế tốt nhiều năm qua ở khu vực này.

Từ khóa: sinh kế, người K'ho, khai thác tự nhiên rừng, trồng trọt, chăn nuôi

**Changes in livelihood activities of the K'ho
in the Lang Biang, Lam Dong province**

Abstract

According to the census results in 2019, the K'ho in Vietnam currently has a population of over 200,000 people, of which the K'ho in Lam Dong is 175,531 people. The K'ho in Lam Dong is mainly living in the Lang Biang area. Here, local groups of K'ho such as Chil, Lat, Xre are the crowdiest. These local groups are considered to be the indigenous population of this land. In the past, they lived mainly on natural forest exploitation, such as cassava capture and gathering, and also farming activities. In which, cultivation on the fields is their main form of production. But since 1975, with many state development policies being implemented in ethnic minority areas, the farming activities of the K'ho in this area

have also changed. This change has made the economic life of the Kho more developed. With the source of actual survey data in the community, the article will focus on analyzing the change in farming economic activities of the K'ho in Lang Biang. Thereby, it can be seen that the development policies of the State and the efforts of the community have helped them get good economic results for many years in this area.

Keywords: livelihoods, natural exploitation of forests, cultivation, animal husbandry

**BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI
DO XÂM PHẠM QUYỀN TÁC GIẢ THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM**

TS. Lê Thị Tuyết Hà

Khoa Luật, Trường Đại học Mở TPHCM

ha.lttuyet@ou.edu.vn

Tóm tắt

Hiện nay, thực trạng xâm phạm quyền tác giả đang diễn ra vô cùng phức tạp và phổ biến, xâm phạm quyền tác giả làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích của các chủ thể và sự phát triển của đất nước. Luật sở hữu trí tuệ 2005, sửa đổi bổ sung 2009, 2019 (Luật SHTT) đã quy định nhiều hình thức để xử lý hành vi xâm phạm quyền tác giả trong đó có buộc bồi thường thiệt hại. Tuy nhiên, việc áp dụng quy định về bồi thường thiệt hại do xâm phạm quyền tác giả hiện nay có nhiều hạn chế, vướng mắc gây khó khăn cho các chủ thể và cơ quan có thẩm quyền trong quá trình áp dụng. Bài viết đã chỉ ra những khó khăn, vướng mắc thông qua thực trạng áp dụng quy định về bồi thường thiệt hại do xâm phạm quyền tác giả của pháp luật Việt Nam và so sánh quy định này với một số quốc gia trên thế giới và những Điều ước quốc tế (ĐUQT) về sở hữu trí tuệ mà Việt Nam là thành viên. Qua đó, bài viết đưa ra kiến nghị, giải pháp nhằm khắc phục khó khăn, vướng mắc; hoàn thiện quy định pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng quy định bồi thường thiệt hại do xâm phạm quyền tác giả trong pháp luật Việt Nam.

Từ khóa: Xâm phạm quyền tác giả, bồi thường thiệt hại, quyền tác giả, sở hữu trí tuệ, bảo hộ quyền tác giả.

Compensation for damage by copyright infringement under Vietnam law

Abstract

Currently, the situation of copyright infringement is taking place extremely complex and widespread, infringing copyright affects the rights, interests of the subjects and development of the country. The Law on Intellectual Property 2005, amended and supplemented in 2009, 2019 (IP Law) has prescribed many forms to handle acts of copyright infringement, including compensation for damage. However, the current application of regulations on compensation for damage caused by copyright infringement has many limitations and obstacles, causing difficulties for subjects and competent authorities in the application process. The article has pointed out the difficulties and problems through the application of the regulations on compensation for damage caused by copyright infringement of Vietnam's law and compared this regulation with some countries in the world and other countries. International treaties on intellectual property to which Vietnam is

a contracting party. Thereby, the article gives recommendations and solutions to overcome difficulties and problems; improve the legal regulations and improve the effectiveness of the application of the provisions on compensation for damage caused by copyright infringement in Vietnamese law.

Keyword: Copyright infringement; indemnify damages; Intellectual Property; copyright; copyright protection.

VĂN HÓA CHÍNH TRỊ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

PGS.TS. Lý Vinh Long (Lee Yung Lung)

Đại học Tĩnh Nghi, Đài Loan

younglonglee@yahoo.com.tw

Tóm tắt

Văn hóa chính trị có vai trò to lớn trong quản trị quốc gia. Văn hóa chính trị làm tăng sức mạnh nội sinh của một quốc gia, thể hiện ở năng lực cạnh tranh trên trường quốc tế, bảo đảm cho quốc gia tồn tại và phát triển bền vững. Vì thế, xây dựng văn hóa chính trị sẽ phát huy tính tích cực, sáng tạo của con người và của toàn xã hội, tạo sự đồng thuận để phát triển đất nước bền vững. Ở Việt Nam hiện nay, thực trạng xây dựng văn hóa chính trị còn nhiều hạn chế. Trong những năm đổi mới, để nâng cao văn hóa chính trị, Việt Nam cần thực hiện nhiều giải pháp cấp bách; trong đó biện pháp cấp bách nhất là chống tham nhũng trong bộ máy nhà nước.

Từ khóa: Đổi mới, văn hóa chính trị, Việt Nam

**HỢP TÁC GIÁO DỤC ĐẠI HỌC HOA KỲ - VIỆT NAM DƯỚI THỜI KỲ
CẦM QUYỀN CỦA TỔNG THỐNG DONALD TRUMP (2017 - 2021)**

NCS. Nguyễn Thị Huyền Thảo

Khoa Lịch Sử, ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM

huyenthaols@gmail.com

Tóm tắt

Sau hơn 25 năm thiết lập bình thường hoá quan hệ ngoại giao, quan hệ Hoa Kỳ - Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu trên các lĩnh vực. Nghiên cứu về hợp tác giáo dục đại học Hoa Kỳ - Việt Nam thu hút được sự quan tâm của nhiều học giả, nhà nghiên cứu trong và ngoài nước. Cho đến nay vẫn chưa có công trình nghiên cứu nào trình bày về hợp tác giáo dục đại học dưới thời kỳ cầm quyền của Tổng thống Donald Trump. Đây là một khoảng trống cần được nghiên cứu. Với mục tiêu làm cho Hoa Kỳ vĩ đại trở lại, Tổng thống Donald Trump đã ban hành các chính sách như cắt giảm chi tiêu cho hoạt động viện trợ, tập trung đầu tư trong nước nhằm làm cho Hoa Kỳ "vĩ đại trở lại". Thế nên Hoa Kỳ sẽ giảm bớt các hoạt động chi tiêu cho bên ngoài, nhất là trên lĩnh vực ngoại giao văn hoá. Điều này đã tác động đến việc hợp tác với nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Theo quy luật của sự phát, việc rút bớt các hoạt động viện trợ, hỗ trợ sẽ khiến cho hoạt động hợp tác không đạt mục tiêu và hiệu quả. Tuy nhiên, hợp tác giáo dục đại học Hoa Kỳ - Việt Nam lại là một ngoại lệ. Bên cạnh đó, hợp tác giáo dục đại học Hoa Kỳ - Việt Nam tiếp tục và đạt thêm một số thành tựu mới. Việc này đánh dấu bước chuyển mới trong hợp tác giáo dục đại học và quan hệ hai nước. Qua đó, cho thấy mối quan hệ Hoa Kỳ - Việt Nam vốn đã đặc biệt thì nay nó lại còn phát triển theo một con đường riêng, không vận động theo những quy luật nhất định. Đây chính là nét độc đáo và điển hình cho việc nghiên cứu về mối quan hệ này. Như vậy, chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ dưới thời Tổng thống Donald Trump có sự thay đổi, điều chỉnh nhưng quan hệ Hoa Kỳ - Việt Nam vẫn tiếp tục phát triển. Đặc biệt là trên lĩnh vực hợp tác giáo dục đại học.

Từ khoá: giáo dục, đại học, Donald Trump; quan hệ, Việt - Mỹ

**U.S - Vietnam higher educational cooperation under president Donald
Trump's administration (2017 - 2021)**

Abstract

After more than 25 years of establishing the normalization of diplomatic relations, U.S -Vietnam relations have achieved many achievements in all fields. The study of U.S - Vietnam higher educational cooperation has attracted the attention of many scholars, researchers from domestic to foreign. Up to now, there

has no the study presented on higher educational cooperation under President Donald Trump. This is a gap that needs to be studied. With the goal of making the United States great again, President Donald Trump has enacted policies such as cutting spending on aid, focusing on investing in domestic in order to make the United States great again. Therefore, U.S will reduce spending money on activities the outside. Especially is the field of cultural diplomacy. This has impacted cooperation with many countries around the world, including Vietnam. According to the law of development, the reduction of aid activities and cooperation will make cooperation activities not achieve the goals and effectiveness. However, U.S - Vietnam higher educational cooperation is an exception. In addition, U.S -Vietnam higher educational cooperation continues and achieves some new achievements. This marks a new shift in higher educational cooperation and relations between the two countries. Thereby, the U.S.-Vietnam relationship is shown that is already special and it also develops in a separate path and not moving according to certain rules. This is unique and typical of the study of this relationship. In conclusion, U.S. foreign policy under President Donald Trump has changed and adjusted but U.S.-Vietnam relations continue to develop. Especially is the field of higher educational cooperation.

Keywords: Education, Higher - education, Donald Trump; Relations, United States – Vietnam

**TÔN VINH HÌNH ẢNH HỒ CHÍ MINH Ở NƯỚC NGOÀI –
PHƯƠNG THỨC GIA TĂNG SỨC MẠNH MỀM QUỐC GIA
(NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP TỈNH QUẢNG TÂY, TRUNG QUỐC)**

PGS.TS. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

ThS. Huang Guang Quian

ThS. Cao Việt Anh

Đại học Sư phạm Hà Nội

hanhntm@hnue.edu.vn

Tóm tắt

Trong bối cảnh mới, sức mạnh mềm ngày càng đóng vai trò quan trọng trong việc định vị tầm mức của mỗi quốc gia trên trường quốc tế. Với bề dày lịch sử - văn hóa lâu đời, Việt Nam có nhiều lợi thế trong việc gia tăng sức mạnh mềm văn hóa. Trong đó, việc tôn vinh những danh nhân lịch sử-văn hóa tiêu biểu, đưa họ ra với thế giới bên ngoài để nhân dân thế giới hiểu và yêu mến về con người, đất nước Việt Nam được xem là một phương thức hữu hiệu. Từ trường hợp của tỉnh Quảng Tây – nơi mà Hồ Chí Minh đã có một thời gian dài sinh sống và hoạt động cách mạng, nơi lưu dấu nhiều kỷ vật, hình ảnh của Người, bài viết này giới thiệu về thành công của Việt Nam trong công tác ngoại giao văn hóa nhằm xây dựng, tôn vinh hình ảnh Hồ Chí Minh ra thế giới. Từ đây, bài viết cũng gợi mở ra những bài học kinh nghiệm quý báu cho công cuộc gia tăng sức mạnh mềm của Việt Nam hiện nay và trong tương lai.

Từ khóa: Hồ Chí Minh; Sức mạnh mềm; Quảng Tây; Ngoại giao văn hóa

**Honoring Ho Chi Minh's image to the world –
The method of increasing national strength
(case study of Guangxi province, china)**

Abstract

In the new context, soft power plays an increasingly important role in positioning each nation's level on the international arena. With a long history - culture, Vietnam has many advantages in increasing cultural soft power. In particular, honoring typical historical-cultural celebrities, bringing them to the outside world so that the world people can understand and love people, the country of Vietnam is considered an effective method. From the case of Guangxi province - where Ho Chi Minh lived and worked for a long time, where many mementos and images of him are kept, this article introduces the success of Vietnam in cultural diplomacy in order to build and honor Ho Chi Minh's image to the world. From then, the article evokes valuable lessons for Vietnam's current and future soft power

THE 5TH INTERNATIONAL CONFERENCE OF VIETNAMESE STUDIES

enhancement.

Keywords: Ho Chi Minh; Soft power; Guangxi; Cultural diplomacy

**GENERAL EDUCATION IN THE NORTH OF VIETNAM, PERIOD 1954-1975:
ACHIEVEMENTS, LIMITATIONS AND LESSONS
FOR CURRENT EDUCATION REFORM**

TS. Nguyễn Thị Quốc Minh

Khoa Văn học, ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM

quocminh1212@hcmussh.edu.vn

Abstract

General education in the North of Vietnam was conducted in the territorial area from the 17th latitude toward the North, from 1954 to 1975 in the condition of a short peace time, followed by a fierce war against the American imperialists. That education was born from a colonial country and underwent the resistance war against France (1945-1954) with many difficulties and deprivations. That education really carried out a profound educational revolution that radically changed the socio-cultural foundation, and at the same time met the requirement of mobilizing human and strength of the Southern reinforcements to complete the national unification work. Apart from the outstanding advantages, the general education system in the North of Vietnam revealed weaknesses and inadequacies. This article intends to delve deeply into that issue, thereby thinking about lessons learned to contribute to the current educational reform.

Key words: general education, North of Vietnam 1954-1975, Vietnamese education, education in resistance war, education innovation

**GIÁO SƯ FURUTA MOTOO –
NHÀ VIỆT NAM HỌC HÀNG ĐẦU VÀ ĐA DIỆN**

PGS.TS. Nguyễn Tiến Lực

ĐH KHXH&NV, ĐHQG TP Hồ Chí Minh

nguyentienlucjps@gmail.com

Tóm tắt

Giáo sư Furuta Motoo (古田元夫) sinh năm 1949 là nhà Việt Nam học hàng đầu của Nhật Bản và thế giới. Ông là một trong “tứ trụ” của giới nghiên cứu Việt Nam ở Nhật Bản. Ba người kia là Sakurai Yumio (桜井由躬雄: 1945-2012), Tsuboi Yoshiharu (坪井善明: 1948 -) và Shiraishi Masaya (白石昌也: 1947 -).

Ông đã thành công trong việc ứng dụng lý thuyết Khu vực học trong nghiên cứu Việt Nam, cho ra đời nhiều công trình có tiếng vang lớn về lịch sử và chính trị Việt Nam hiện đại. Ông còn có những công trình có giá trị khi kết hợp nghiên cứu với các nhà nghiên cứu người Việt Nam. Ông là một trong những người có công to lớn trong việc khởi xướng các hoạt động học thuật quốc tế, thúc đẩy phong trào nghiên cứu Việt Nam ở Nhật Bản, ở Việt Nam và trên thế giới. Có thể nói ông là nhà nghiên cứu hàng đầu và đa diện trong giới Việt Nam học trên thế giới.

Bài viết này nhằm giới thiệu những hoạt động học thuật và đánh giá sự đóng góp của ông đối với sự phát triển Việt Nam học ở Nhật Bản và thế giới.

Abstract

Professor Furuta Motoo (古田元夫) born in 1949, is a leading Vietnamese studies specialist of Japan and the world. He is one of the "Big Four" of Vietnamese studies researchers in Japan. The other three are Sakurai Yumio (桜井由躬雄: 1945-2012), Tsuboi Yoshiharu (坪井善明: 1948 -) and Shiraishi Masaya (白石昌也: 1947 -).

He has succeeded in applying the theory of Area studies in Vietnamese studies, producing many works with great resonance on the history and politics of modern Vietnam. He also has many valuable papers in collaboration with Vietnamese researchers. He is one of the people greatly responsible for the success of initiating international academic activities, promoting the research-on-Vietnam movement in Japan, Vietnam and the world. It is said that he is a leading and multifaceted researcher in the field of Vietnamese studies.

This article aims to introduce his academic activities and evaluate his

THE 5TH INTERNATIONAL CONFERENCE OF VIETNAMESE STUDIES

contribution to the development of Vietnamese studies in Japan and the world.

Keywords: Furuta Motoo, Vietnam, Japan, researcher, Vietnamese Studies

**BƯỚC ĐẦU TÌM HIỂU
VỀ GIÁO PHÁI MỚI “TỨ ÂN ĐẠO PHẬT” Ở MỘT SỐ ĐỊA PHƯƠNG
CỦA TỈNH AN GIANG VÀ KIÊN GIANG, NAM BỘ, VIỆT NAM**

TS. Nguyễn Trung Hiếu

ThS. Đặng Đăng Thư

Khoa Du lịch và Văn hoá Nghệ thuật, ĐH An Giang – ĐHQG TP.HCM

nthieu@agu.edu.vn

Tóm tắt

Giáo phái mới Tứ Ân Đạo Phật (四恩導佛) ra đời ở An Giang vào năm 1947, có ảnh hưởng rất lớn trong đời sống tinh thần và vật chất của người dân ở một số địa phương của tỉnh An Giang và Kiên Giang.

Bài viết này tác giả bước đầu nghiên cứu về 1) lịch sử hình thành, 2) phương thức tu hành và 3) đặc trưng và thờ phụng của giáo phái mới Tứ Ân Đạo Phật. Qua nội dung nghiên cứu cho thấy tính đa dạng về tôn giáo ở tỉnh An Giang và Kiên Giang trong bức tranh văn hóa vùng Nam Bộ; cho thấy một giáo phái mới nằm trong hệ thống các tôn giáo nội sinh vùng Nam Bộ mà các nhà nghiên cứu trước đây và hiện nay chưa đề cập đến.

Từ khóa: Giáo phái mới, Tứ Ân, Đạo Phật, ông Đạo Sáu, An Giang, Kiên Giang.

The new "Tu An Dao Phat" sect

at some locals in An Giang and Kien Giang provinces, the South, Vietnam

Abstract

In 1947, Tu An Dao Phat (四恩導佛), the new sect was established at An Giang. He has great influence on the spiritual and material lives of people at some localities in An Giang and Kien Giang provinces.

In this paper, we examined about 1) formation process, 2) practical method and 3) characteristics and worships of the new Tu An Dao Phat sect. The findings revealed the diversity of religions at An Giang and Kien Giang provinces in the Southern cultural aspect; the study also showed a new sect at An Giang belongs to the endogenous religions system that previous researchers had never mentioned.

Keywords: New sect, Tu An, Buddhism, Ong Dao Sau, An Giang, Kien Giang

**VIỆT NAM VÀ TRẬT TỰ QUỐC TẾ MỚI Ở KHU VỰC
ẤN ĐỘ DƯƠNG-THÁI BÌNH DƯƠNG: HIỆN TẠI VÀ TƯƠNG LAI**

TS. Trần Hùng Minh Phương

Đại học Nguyễn Tất Thành

tranhungminhphuong@gmail.com

Tóm tắt

Ở khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương, trật tự quốc tế mới ngày nay được đặc trưng bởi sự chuyển dịch quyền lực và tính đa cực ngày càng gia tăng. Với sức mạnh kinh tế, Trung Quốc đã không ngừng tăng cường tiềm lực quốc phòng, hiện đại hóa lực lượng vũ trang, thu hẹp đáng kể khoảng cách quân sự giữa Trung Quốc và Hoa Kỳ. Song song với sự trỗi dậy của Trung Quốc, các nước khác trong khu vực như Ấn Độ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Indonesia, Việt Nam cũng ngày càng tích cực và có ảnh hưởng trong các vấn đề khu vực. Nằm ở trung tâm Đông Nam Á, hướng ra Biển Đông, Việt Nam chiếm vị trí chiến lược quan trọng.

Bài viết nêu lên những thay đổi gần đây ở khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương về địa chính trị, kinh tế, an ninh và quốc phòng đã khiến nhiều quốc gia ở Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam, xác định lại chiến lược chính sách đối ngoại và cách tiếp cận của Việt Nam đối với khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Từ khoá: Ấn Độ Dương –Thái Bình Dương, Đông Nam Á, trật tự quốc tế mới, Việt Nam.

**Vietnam factor and new international order in the Indo-Pacific:
Present and future**

Abstract

In the Indo-Pacific region, new international order today is characterised by power shift and increasing multipolarity. With its economic strength, China has continuously increased defence potential, modernizing its armed forces, considerably narrowing the military gap between China and the United States. Parallel with the rise of China, other regional countries such as India, Japan, South Korea, Indonesia, and Vietnam are also getting more active and influential in regional affairs. Located at the heart of Southeast Asia, facing the South China Sea, Vietnam occupies an important strategic location.

The article maps the recent changes in the Indo-Pacific region in geopolitics, economics, security and national defence have made many countries in Southeast

THE 5TH INTERNATIONAL CONFERENCE OF VIETNAMESE STUDIES

Asia, including Vietnam, redefine foreign policy strategies and in Vietnam's approaches to the Indo-Pacific.

Keywords: Indo-Pacific, Southeast Asia, new international order, Vietnam

**THE POLICIES OF CULTURAL MANAGEMENT CONCERNING
NATIONAL SECURITY THROUGHOUT THE REIGN OF EMPEROR
MINH MẠNG (1820 - 1840)**

Tran Minh Hop

Ph.D. Program in Asia-Pacific Regional Studies, National Dong Hwa University,
Taiwan

tranminhhopvietnamese@gmail.com

Tóm tắt

Vua Minh Mạng và đội ngũ quan lại đã phát triển Việt Nam trở thành một quốc gia hùng mạnh ở Đông Nam Á vào đầu thế kỷ XIX, tạo dựng nhiều thành tựu về văn hóa, trong đó có nhiều thành tựu được UNESCO công nhận là di sản văn hóa thế giới. Công trình nghiên cứu với mục tiêu làm rõ những chính sách quản lý văn hóa dựa liên quan đến an ninh quốc gia mà vua Minh Mạng và đội ngũ quan lại thực thi để trị vì Việt Nam từ 1820 -1840.

Nguồn tư liệu chính được phân tích bao gồm ba tác phẩm Quốc sử “Minh Mạng Chính Yếu”, “Đại Nam Thực Lục”, “Quốc Triều Chính Biên Toát Yếu” và các công trình nghiên cứu lịch sử khác. Chính sách quản lý văn hóa thời Minh Mạng được tổng hợp cụ thể, mô hình hóa hệ thống chính sách quản lý văn hóa ở Việt Nam trong 20 năm, từ 1820 đến 1840.

Công trình nghiên cứu làm sáng tỏ bối cảnh xã hội, bối cảnh văn hóa và bối cảnh gia đình như những tiền đề cho sự ra đời của các chính sách quản lý văn hóa liên quan đến an ninh quốc gia trong giai đoạn 1820 – 1840, bao gồm: Sự xuất hiện của các mối quan hệ quốc tế phức tạp; Sự xâm lược thuộc địa của các nước phương Tây; và vấn đề cấp bách của việc bảo vệ an ninh quốc gia vừa mới khôi phục;.

Kết quả nghiên cứu đã phác họa được những chính sách quản lý văn hóa liên quan đến an ninh quốc gia điển hình được thực thi ở Việt Nam dưới thời trị vì của vua Minh Mạng, bao gồm: Chính sách khôi phục và truyền bá Nho giáo; chính sách ngăn chặn sự phát triển của đạo Thiên Chúa và văn hóa phương Tây; và chính sách giao lưu văn hóa.

Từ khóa: Minh Mạng, chính sách quản lý văn hóa, an ninh quốc gia, Việt Nam, triều Nguyễn

Abstract

Emperor Minh Mang and his civil servants developed Vietnam into an extremely powerful country in Southeast Asia at the beginning of the nineteenth century, producing numerous achievements of culture, some of which are

THE 5TH INTERNATIONAL CONFERENCE OF VIETNAMESE STUDIES

recognized by UNESCO as World Cultural Heritage sites. The study aimed to investigate which cultural management policies concerning national security Emperor Minh Mang and his civil servants employed to reign over Vietnam during the period of 1820 to 1840.

The study analyzed three national historical books “Minh Mạng Chính Yếu”, “Đại Nam Thực Lục” and “Quốc Triều Chính Biên toát yếu”, and other historical literatures as principal data sources. These policies were assembled through careful research, reconstructing the policy systems of cultural management in Vietnam during a period of twenty years, from 1820 to 1840.

As result, the study elucidated the social, and cultural context from which the Vietnamese cultural management policies concerning national security of 1820 to 1840 arose, including the complicated international relationships that occurred during the period; The invasive global colonization by Western Empires; and the emergent issues of protecting of newly restored national security;. Finally, the study explored the contents of typical cultural policies concerning national security, which were accomplished in Vietnam under the reign of Emperor Minh Mang. These policies centered around particular cultural activities of the era: The policy of restoring and spreading the Confucianism ideology; The policy of preventing the development of Catholic and Western culture; and the policies of exchange culture

Keywords: Minh Mang, cultural management policy, national security, Vietnam, Nguyen Dynasty

**PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN
Ở VIỆT NAM TRONG XU HƯỚNG TOÀN CẦU HÓA**

TS. Trần Thị Mai Nhân

Khoa Việt Nam học, ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM

tranmainhan@hcmussh.edu.vn

Tóm tắt

Ở Việt Nam, nhu cầu phát triển khoa học và công nghệ để đưa đất nước phát triển, hội nhập đã trở thành nhu cầu bức thiết. Vì vậy, trong một thời gian dài, mối quan tâm của xã hội hầu như đều hướng về các ngành Khoa học Kỹ thuật và Công nghệ. Trong khi đó, ngành Khoa học Xã hội và Nhân văn chưa được chú trọng và đầu tư tương xứng với vị trí và tầm quan trọng của nó. Điều này đã dẫn đến một thực trạng đáng lo ngại là có sự hạn chế trong nghiên cứu Khoa học Xã hội và Nhân văn và có nguy cơ khủng hoảng nguồn nhân lực Khoa học Xã hội và Nhân văn trong tương lai. Mục đích của bài viết là khái quát được thực trạng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực và nghiên cứu ngành Khoa học Xã hội và Nhân văn ở Việt Nam hiện nay thông qua việc nghiên cứu tài liệu và thu thập, xử lý dữ liệu từ các tài liệu, sách báo nghiên cứu về Khoa học Xã hội và Nhân văn ở Việt Nam. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số vấn đề liên quan đến đào tạo và quản lý nguồn nhân lực chiến lược, thúc đẩy nghiên cứu Khoa học Xã hội và Nhân văn, tận dụng nguồn nhân lực được đào tạo từ ngành Khoa học Xã hội và Nhân văn với mong muốn Nhà nước và các cơ quan, viện nghiên cứu, các trường đại học Việt Nam có sự quan tâm và đầu tư đồng bộ, hiệu quả để ngành khoa học này phát triển vững mạnh, hướng đến hội nhập và toàn cầu hóa.

Từ khóa: đào tạo, nghiên cứu, nhân lực, khoa học xã hội, nhân văn

The development of human resources of Vietnamese social sciences and humanities in globalization trend

Abstract

In Vietnam, after the war ended the need to develop science and technology to make the country develop and integrate has become an urgent need. Thus, for a long time society's interest was mostly directed to the Natural Sciences and Engineering disciplines. Meanwhile, the Social Sciences and Humanities have not been focused and invested in proportion to its position and importance. This has created a worrying situation that there is limited research in the Social Sciences and Humanities and there is a risk of a human resource crisis in the Social Sciences and Humanities in the future. The purpose of this article is through researching documents and collecting and processing data from documents and research papers

on Social Sciences and Humanities in Vietnam to understand the current situation of training, creating human resources and doing research in Social Sciences and Humanities in Vietnam today. The article discusses issues related to Training and management of strategic human resources, promote research in Social sciences and Humanities, Make the most of human resources trained in the Social sciences and Humanities, etc. We want the State, agencies, research institutes and universities to pay attention to and invest in the Social Sciences and Humanities, so that the Social Sciences and Humanities will thrive in integration and globalization trends.

Key words: training, research, human resources, social sciences, humanities

**PHÁP LUẬT VỀ PHÂN CẤP QUẢN LÝ Ở MỘT SỐ QUỐC GIA CHÂU Á
VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VIỆT NAM**

NCS. Trần Thị Mai Phước

ĐH Kinh tế TP HCM

maiphuoclaw@yahoo.com

Tóm tắt

Bài viết giới thiệu khái quát hệ thống pháp luật về phân cấp quản lý kinh tế của một số nước châu Á (Nhật Bản, Hàn Quốc, Thái Lan, Indonesia và Philippines). Tác giả rút ra kết luận rằng đa phần các quốc gia này đều là những quốc gia thành công trong phân cấp và đã xây dựng Luật Phân cấp hay đạo luật có tên tương tự.

Trong khi đó, chính sách phân cấp ở Việt Nam mặc dù đã được Hiến pháp quy định nhưng thực trạng còn có một số vấn đề chưa thống nhất. Tác giả tạm chia hệ thống pháp luật về phân cấp quản lý của Việt Nam thành ba nhóm. Trên cơ sở phân tích, đánh giá những hạn chế của hệ thống pháp luật phân cấp trong nước và tham khảo pháp luật nước ngoài, tác giả khuyến nghị Việt Nam cần xây dựng đạo luật Phân cấp nhằm triển khai mạnh mẽ chính sách phân cấp trong tương lai.

Từ khóa: Pháp luật về phân cấp quản lý kinh tế, phân cấp quản lý kinh tế, phân cấp, pháp luật về phân cấp, Luật phân cấp

Abstract

This article introduces an overview of the legal system on decentralization of economic management of some Asian countries (Japan, Korea, Thailand, Indonesia and Philippines). The author draws the conclusion that most of these countries are successful in decentralization and have developed Laws of Decentralization or similarly named laws.

Meanwhile, the decentralization policy in Vietnam, although regulated by the Constitution, still has some of issues with disagreement. The author temporarily divides the legal system on decentralization of management in Vietnam into three groups. On the basis of analyzing and evaluating the limitations of the domestic decentralized legal system and consulting foreign laws, the author recommends that Vietnam develop a Law on Decentralization to strongly implement the decentralization policy in the future.

Keywords: Law on decentralization of economic management, decentralization of economic management, decentralization, law on decentralization, the law on decentralization

KỶ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC
CONFERENCE PROCEEDINGS

**NGHIÊN CỨU
GIẢNG DẠY
VIỆT NAM HỌC
VÀ TIẾNG VIỆT
2021**

*RESEARCHING, TEACHING VIETNAMESE STUDIES
AND VIETNAMESE LANGUAGE*

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN
VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY, HCMC
UNIVERSITY OF SOCIAL SCIENCES AND HUMANITIES**